

# Echols Accessions List

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Achinese</b>			
Videodisc 4241 (SEA)		Album solo [videorecording] / Rafly.	[Jakarta?]: Menara Millenium Production : Kasga Record, [2000]
Summary for 'Language' = Achinese (1 detail record)			
<b>Burmese</b>			
PL3988.E59 K85 2006	Eññ' Mhū", Kyoñ' kun'", 1954-	Kye' rvā Vāda Pran' chui te' / Kyoñ' kun' Eññ' Mhū".	Toñ' Da gum [Ran' kun'] : Cac' saññ' to' Cā pe, 2006.
PL3988.M64 M4 2006	Pī Mui' Nañ'", 1883-1940.	May' Yakkha / Pī Mui' Nañ'.	'A nok' Ran' kañ'", Ran' kun' : Rañ' 'On' Cā pe, 2006.
SD235.B8 D45 2006		De sa kham Praññ' sū 'a cu 'a phvai puiñ' sac' to 'a kroñ' mē khvan' nhañ' 'a phre : De sa kham Praññ' sū 'a cu 'a phvai puiñ' sac' to lup' ñan' sañ' tañ' nhañ' Túi khyai paññā	[Ran' kun' mruí] : Praññ' thoñ' cu Mran' mā nuiñ' ñam to' 'A cui' ra, Sac' to ré' rā van' krī thāna, Sac' to ũ' cī thāna, Ba hui Sac' to lup' ñan
SD235.B8 M73 2003	Mran' 'On', Ū".	'A cu 'a phvai puiñ' Sac' to Cī mañ' 'up' khyup' khrañ' / Ū" Mran' 'On'.	[Ran' kun' mruí] : Praññ' thoñ' cu Mran' mā nuiñ' ñam to' 'A cui' ra, Sac' to ré' rā van' krī thāna, Sac' to ũ' cī thāna, Ba hui Sac' to lup' ñan
SD235.B8 M732 2004	Mran' 'On', Ū".	Kyé lak' praññ' sū myā 'a tvak' 'A cu 'a phvai puiñ' Sac' to taññ' thoñ' khrañ' lam' ññvan' / Ū" Mran' 'On'.	[Ran' kun' mruí] : Praññ' thoñ' cu Mran' mā nuiñ' ñam to' 'A cui' ra, Sac' to ré' rā van' krī thāna, Sac' to ũ' cī thāna, Ba hui Sac' to lup' ñan
SD235.B8 M733 2004	Mran' 'On', Ū".	Túi khyai Paññā pé ré van' tham' myā 'a tvak' de sa kham Praññ' sū 'a cu 'a phvai puiñ' sac' to taññ' thoñ' khrañ' lam' ññvan' / Ū" Mran' 'On'.	[Ran' kun' mruí] : Praññ' thoñ' cu Mran' mā nuiñ' ñam to' 'A cui' ra, Sac' to ré' rā van' krī thāna, Sac' to ũ' cī thāna, Ba hui Sac' to lup' ñan
U55.S576 A3 2006	Soñ' Ve Ū".	Cac' mre prañ' mha kuiy' tve" lyhui' vhañ' chañ' kray' prac' rap' myā" / Soñ' Ve Ū".	Toñ' Ukkalapa, Ran' kun' : Mra Ratanā Cā pe, 2006-2007.
Summary for 'Language' = Burmese (7 detail records)			
<b>Chinese</b>			
AC150 .C4537 2005	Chen, Qingye, 1942-	You hua jiu shuo - jiao liu ji / Chen Qingye zhu.	[Xinjiapo] : Xi shan wen yi zhong xin, 2005.
CS14 .Z82 2002		Zu pu he hai wai Hua ren yan jiu / zhu bian Ji Baokun, Cui Guiqiang, Zhuang Guotu = Genealogies and Chinese migration studies / editors Kee Pookong, Chai Kwai Keong, Zhuang Guotu.	Xinjiapo : Xinjiapo Yua yi guan ; Xiamen : Xiamen da xue dong nan Ya yan jiu zhong xin, 2002.
DS595.2.C5 M3 2003	Ma, Jin, 1958-	Zhong Hua wen hua, Ma Hua wen hua xue shu yan jiu / Ma Jin, Wang Ling zhu.	Seri Kembangan, Selangor : Lian ying chu ban you xian gong si, 2003.
LC3089.M4 W87 2002		Wu shi nian feng yu lu : ji Guang min zhong xue chuang xiao wu shi zhou nian / bian zhu Huang Zhaofa.	[Shiwu] : Guang min zhong xue xiao you hui, 2002.
PL1121.V6 A64 2005	Anh Minh.	Giao tiếp tiếng Hoa hiện đại : 1300 câu đàm thoại thông dụng / Anh Minh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Chinese</b>			
PL1121.V6 M35 2006	Mã, Thành Tài.	1500 câu giao tiếp Hoa-Việt = 1500 ju jiao ji Hua-Yue / Mã Thành Tài.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thanh niên, 2006.
PL1121.V6 M352 2005	Mã, Thành Tài.	Tiếng Hoa cấp tốc cho người bán hàng : đàm thoại: Hoa-Việt / Mã Thành Tài, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
PL1121.V6 Q114 2005	Quan Bình.	1200 câu giao tiếp Hoa Việt = Zhong Yue shi yong hui hua qian eh ju = Trung Due sửa dung huy hwa tsel or chuya / Quan Bình, Ngọc Lân, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2005.
PL1121.V6 T73 2005	Trần, Đình Tuấn.	Đàm thoại tiếng Hoa thương mại / Trần Đình Tuấn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2005.
PL1121.V6 V55 2007	Vị Ngân.	2000 câu đàm thoại tiếng Hoa = Han yu hui hua liang qian ju / Vị Ngân, Vĩnh Tiến, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, [2007]
PL1129.V54 H36 2006		Han yu hui hua 301 ju = 301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc / biên soạn, Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình ; bản dịch tiếng Việt, Nguyễn Thị Minh Hồng.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
PL5139.Y374 Z46 2006	Yang, Kui Yee.	Yang Guiyi hui yi lu : jiao tong yu ci dian.	Kuala Lumpur, Malaysia : Nan da jiao yu yu yan jiu ji jin hui, 2006.
Oversize DS597.37 .S455 2006 +		Malaixiya Shalayue Shiwu Fuzhou ken chang 100 zhou nian ji nian te kan : 1901-2001.	[Sibu : Shiwu Fuzhou gong hui, 2001]
Oversize LC3089.I56 Y56 2005 +		Yinni Yajjada Zhong Hua zhong xue chuang ban 66 zhou nian ji nian te kan : 1939 nian 6 yue 12 ri-2005 nian 6 yue 12 ri.	Yinni Yajjada : Zhong Hua zhong xue xiao you hui, 2005.
Oversize PL1074.8 .H34 2006 +		Han yu kou yu su cheng : Ru men pian = Luyện nói tiếng Trung Quốc cấp tốc cho người bắt đầu / chủ biên, Mã Tiến Phi ; biên soạn, Tô Anh Hà, Trắc Diễm ; bản dịch tiếng Việt, Nguyễn	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
Oversize PL1129.V54 C48 2006 +		Chu ji Han yu ke ben = Tiếng Trung Quốc cho người bắt đầu / chủ biên, Lỗ Kiện Kí ; bản dịch tiếng Việt, Nguyễn Thị Minh Hồng.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
Summary for 'Language' = Chinese (16 detail records)			
<b>Dutch</b>			
DJ411.H335 I53 2005		Indische zomer in Den Haag : het cultureel erfgoed van de Indische hoofdstad / redactie, Esther Captain ... [et al.].	Leiden : KITLV Uitgeverij, 2005.
DS632.3.D88 I53 2005		Indië verteld : herinneringen, 1930-1950 / Redactie, Marieke Brand, Henk Schulte Nordholt, Fridus Steijlen.	Zutphen : Walburg Pers ; Leiden : KITLV Uitgeverij, c2005.
N6953.J33 A4 2006	Ooi, Adeline.	Meeloper = The follower : Mella Jaarsma.	[Den Haag : Artoteek Den Haag, 2006?]
NC341.N85 A4 2005	Nugroho, Eko, 1977-	Mooi weer / [drawings], Eko Nugroho ; [text, Carla Bianpoen and Michiel Morel].	Den Haag : Artoteek Den Haag, c2005.
PN5256.H45 L66 2004	Loo, Vilan van de.	Leven tussen kunst en krant : Beata van Helsdingen-Schoevers ( 1886-1920 ) : journaliste en declamatrice in Indië / Vilan van de Loo.	Leiden : KITLV Uitgeverij, 2004-
PT5054 .W26 2004		Wandelaar onder de palmen : opstellen over koloniale en postkoloniale literatuur : opgedragen aan Bert Paasman / onder redactie van Michiel van Kempen, Piet Verkruisje en Adrienne Zuiderweg.	Leiden : KITLV Uitgeverij, 2004.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Dutch</b>			
PT5649.E47 J35 2005	Elstland, Lourens van, ca.1643-1698.	Jan onder de deecken : een Haarlemse 'klugt' geschreven te Batavia rond 1690 / Lourens van Elstland ; naar het handschrift in de Bibliothèque Nationale te Parijs voor het eerst uitgegeven, toegelicht en van een inleiding en commentaar voorzien door Kare	Leiden : KITLV Uitgeverij, 2005.
PT5870.S72 I52 2005	Stoke, Melis.	Ik kijk de kat uit de klapperboom : vijftig Indische rijmkronieken / Melis Stoke ; bijeengelezen en ingeleid door Gerard Termorshuizen.	Leiden : KITLV, 2005.
PT5881.32.U9 Z86 2005	Scova Righini, Bert, 1949-	Leven in twee vaderlanden : een biografie van Beb Vuijk / Bert Scova Righini.	Leiden : KITLV Uitgeverij, 2005.
Oversize N7326.6.B34 K38 2000 +	Kate, Jeannette ten.	Ontmoetingen op Bali : Collectie Sandalwood / Jeannette ten Kate.	Hoorn : Stichting Vrienden van het Westfries Museum, [2000]
Summary for 'Language' = Dutch (10 detail records)			
<b>English</b>			
BD450 .O25 2006	Ocampo, Ma. Liza Ruth A.	Dignity of the thinking person : philosophical reflection on human nature / Ma. Liza Ruth A. Ocampo.	Manila, Philippines : UST Pub. House, 2006.
BL2080 .I59 2005		Inter-religious dialogue in Malaysia = Dialog antara agama di Malaysia.	Kuala Lumpur : Centre for Civilisational Dialogue, Universiti Malaya : Academy of Civilisational Studies, [2005]
BP63.I42 M35613 2006	Malībārī, Zayn al-Dīn ibn 'Abd al-'Azīz.	Tuḥfat-al-mujāhidīn : a historical epic of the sixteenth century / Shaykh Zainuddin Makhdum ; translated from Arabic with annotations by S. Muhammad Husayn Nainar.	Kuala Lumpur : Islamic Book Trust ; Calicut : Other Books, 2006.
BP63.M27 D55 2007	Dina Zaman, 1969-	I am Muslim / Dina Zaman.	Kuala Lumpur : Silverfishbooks, 2007.
BP182 .C76 2005	Crow, Karim D. (Karim Douglas)	Jihad : "peaceful-striving" & "combative-struggle" / oleh Karim D. Crow.	Kuala Lumpur, Malaysia : Pusat Dialog Peradaban, 2005.
BQ556 .T585 2007	Tiyavanich, Kamala, 1948-	Sons of the Buddha : the early lives of three extraordinary Thai masters / Kamala Tiyavanich.	Boston : Wisdom Publications, c2007.
BQ5630.S2 S89413 2006	Suwannō, Phikkhu.	Watching, not "being" : developing awareness according to the practice of Loo-ang Por Tee-an Cittasubho / Loo-Ang Por Kamkee-an Suvanno.	Bangkok : Distributed [i.e. published?] by Kled Thai, 2006.
BQ6160.L282 V538 2006	Schrama, Ilse.	Buddhist temple life in Laos : Wat Sok Pa Luang / photography, text, and design by Ilse and Birgit Schrama.	Bangkok : Orchid Press, c2006.
BQ6336 .P468 2004	Phattharaphōn Sirikānchana.	Guide to Buddhist monasteries and meditation centres in Thailand / Pataraporn Sirikanchana.	Bangkok, Thailand : World Fellowship of Buddhists, c2004.
BQ6337.B22 P48134 2003	Wat Phrachētuphon ( Bangkok, Thailand)	Guidebook, Wat Pho.	Bangkok : Wat Phra Chetuphon Vimolmangklaram, 2003.
BR1200 .W35 2002	Walters, Albert Sundararaj.	We believe in one God? : reflections on the trinity in the Malaysian context / by Albert Sundararaj Walters.	Delhi : ISPCK, 2002.
BS391.3 .V55 2004	Villanueva, Eddie C.	Surest covenant / presented by Eddie C. Villanueva.	[Manila] : Bro. Eddie Ministries, c2004.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
BX4692 .O73 2006	Orbos, Jerry M.	God's love as experienced by Filipino priests / by Jerry M. Orbos, James B. Reuter, Ruben M. Tanseco.	Manila : Logos Publications, 2006.
D805.J3 R85 1983	Rupp, Albert.	Beyond the threshold / by Albert Rupp.	Long Beach, CA : Almar Press, c1983.
D810.S45 B65 2007	Heimann, Judith M.	Airmen and the headhunters : a true story of lost soldiers, heroic tribesmen and the unlikeliest rescue of World War II / Judith M. Heimann.	Orlando : Harcourt, c2007.
DS522.6 .K75 1998	Krishna Murthy, T.	Gandhi mission in South East Asia / T. Krishnamurthy.	Bangalore : Gandhi Centre of Science and Human Values of Bharatiya Vidya Bhavan, 1998.
DS524.4 .R49 2004	Reyes, Vicente, C, Jr.	Transformations : a region in the making / Vicente C. Reyes, Jr., Tamara Renee Shie, Marcelino N. Lizaso, Jr.	Manila : Far Eastern University, Research Center, 2004.
DS525.9.C5 G64 2005	Goh, Evelyn.	Meeting the China challenge : the U.S. in Southeast Asian regional security strategies / Evelyn Goh.	Washington, DC : East-West Center Washington, 2005.
DS526.7 .A58 2004	Almonte, Jose T.	Toward one Southeast Asia : collected speeches / [Jose T. Almonte].	[Quezon City] : Institute for Strategic and Development Studies, [2004]
DS528 .Z39 2007	Zaw Oo.	Assessing Burma's ceasefire accords / Zaw Oo and Win Min.	Washington, D.C. : East-West Center Washington, 2007.
DS528.2.K35 D48 2007		Development by decree : the politics of poverty and control in Karen State.	[Thailand] : Karen Human Rights Group, c2007.
DS528.2.W32 K73 2007	Kramer, Tom, 1968-	United Wa State Party : narco-army or ethnic nationalist party? / Tom Kramer.	Washington, D.C. : East-West Center Washington, 2007.
DS546.5.G74 S65 2007	Smith, T. O.	Britain and the origins of the Vietnam War : UK policy in Indo-China, 1943-50 / T.O. Smith.	Basingstoke [England] ; New York : Palgrave Macmillan, 2007.
DS554.4 .E84 2006		Ethnicity and trans-national commerce in the Mekong River Basin in Cambodia, 1975-2005.	Jakarta : Research Center for Regional Resources, Indonesian Institute of Sciences, 2006.
DS554.98.A5 G7613 2006	Groslier, Bernard Philippe.	Angkor and Cambodia in the sixteenth century : according to Portuguese and Spanish sources / B.P. Groslier ; translated by Michael Smithies.	Bangkok, Thailand : Orchid Press, 2006.
DS556.3 .N45 1962	Nguyen, Dang Hai, Mrs.	On the way to Ca-Mau : a bulletin for schools / by Nguyen Dang Hai ; with photographs by Douglas Harris and William Bartlett.	[Wellington, N.Z.] : School Publications Branch, Dept. of Education, [1962]
DS556.57 .T73	Trần Chanh Thành.	Viet-Nam's foreign policy and the consolidation of legitimacy : briefing summary of speech at the Vietnam Council on Foreign Relations on 20th August 1968 / Tran Chanh Thanh.	Saigon : Vietnam Council on Foreign Relations, [1969]
DS557.7 .W3675 2007		War that never ends : new perspectives on the Vietnam War / edited by David L. Anderson and John Ernst.	Lexington, Ky. : University Press of Kentucky, c2007.
DS559.5 .P435 2004	Peters, M. B. ( Marie Bernadette)	American doctor of Mocay 1965-1966 / by M.B. Peters.	Lakeland, FL : Doctor of MoCay, c2004.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
DS559.5 .S45 2005	Sever, Al.	Xin loi, Viet Nam : thirty-one months of war : a soldier's memoir / Al Sever.	New York : Presidio Press, Ballantine Books, 2005.
DS559.62.U6 M35 2007	McEldowney, Carol Cohen, 1943-1973.	Hanoi journal, 1967 / Carol Cohen McEldowney ; edited by Suzanne Kelley McCormack and Elizabeth R. Mock.	Amherst : University of Massachusetts Press, c2007.
DS560.72.P497 A5 1978	Phạm, Văn Đồng, 1906-2000.	Speech by Premier Pham Van Dong, 33rd anniversary of the August Revolution and the National Day.	[Hanoi] : Dept. of Press and Information, Ministry of Foreign Affairs, Socialist Republic of Viet Nam, [1978]
DS568 .B59 2005		Blending in : farang reflections on living in Thai culture / edited by Gray Rogers.	Drexel Hill, Pa. : Isan Books, 2005.
DS569 .T87 2006		Turbulence on Ko Phra Thong ( Phang Nga Province, Thailand) / Oliver Ferrari ... [et al.] ; translated from French by: Francine Nicolle.	Paris : Ketos, c2006.
DS589.P5 T481 1999	Thidā Sārayā.	Travel guide to Prasat Hin Phimai / Dhida Saraya.	Bangkok : Seeda Press, 1999.
DS597 .R376 2007	Raj, J. J., Dato', 1923-	Struggle for Malaysian independence / J.J. Raj Jr. ; with a foreword by Dato' Seri Abdullah Ahmad Badawi.	Petaling Jaya, Selangor, Malaysia : MPH Group Pub., c2007.
DS597.2 .J37 2006	A. Kadir Jasin, 1947-	Damned that thots / A. Kadir Jasin.	Kuala Lumpur : Berita Pub. Sdn Bhd, c2006.
DS597.2 .M277 2007		Mahathir vs. Abdullah : covert wars and challenged legacies / edited by Nathaniel Tan.	Kuala Lumpur, Malaysia : Kinibooks ; Petaling Jaya, Selangor, Malaysia : Distributed by GB Gerakbudaya Enterprise, 2007.
DS610.3 .W66 2005	Wong, Kim Hoh.	Life less ordinary / Wong Kim Hoh.	Singapore : Times Editions-Marshall Cavendish, c2005.
DS610.4 .R358 2007	Rajaratnam, S. ( Sinnathamby) , 1915-2006.	S. Rajaratnam : the prophetic and the political / edited by Chan Heng Chee & Obaid Ul Haq.	Singapore : Institute of Southeast Asian Studies : Graham Brash Pte, 2007.
DS634 .M6613 1982		National Monument and its National Historical Museum.	Jakarta : Badan Pengelola Monumen Nasional, c1982.
DS646.23.M95 I5 2005	Mulder, Niels.	Inside Indonesian society : cultural change in Java / Niels Mulder.	Yogyakarta : Penerbit Kanisius, c2005.
DS653.7 .B34 2006		Bagong bayani = Modern Filipino heroes.	Manila : Published and exclusively distributed by Anvil, c2006.
DS666.A3 T56 2005	Tima, Rufino G.	Leaves on the water : the struggle for survival of Pinatubo Aetas / Rufino G. Tima.	Subic, Zambales, Philippines : Foundation for Cultural Survival, c2005.
DS675.8.R5 P44 2005	Pedro, Javier de	Rizal, through a glass darkly : a spiritual biography / by Javier de Pedro.	Pasig City : University of Asia and the Pacific, c2005.
DS686.4 .L49 2005	Lewis, Barbara-Ann Gamboa.	Barefoot in fire : a World War II childhood / by Barbara-Ann Gamboa Lewis ; pictures by Barbara Pollak.	Manila : Tahanan Books for Young Readers, c2005.
DS686.614 .R368 1998	Ramos, Fidel V., 1928-	Continuity of freedom : a democratic and reformist society is our unique competitive advantage / Fidel V. Ramos.	[Manila] : Friends of Steady Eddie, 1998.
DS686.614 .R3684 1995	Ramos, Fidel V., 1928-	From growth to modernization : raising the political capacity and strengthening the social commitments of the Philippine state / Fidel V. Ramos.	[Manila] : Friends of Steady Eddie, 1995.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
DS688.M5 F94 2006	Fry, Howard Tyrrell.	History of the Mountain Province / Howard T. Fry.	Quezon City, Philippines : New Day Publishers, 2006.
E183.8.P6 B67 1984	Bosworth, Stephen W.	U.S.-Philippine relations : an American perspective : remarks by Stephen W. Bosworth, U.S. ambassador to the Philippines, before the Rotary Club of Manila, Manila, July 19, 1984.	Manila : United States Information Service, Embassy of the United States of America, [1984]
E183.8.P6 S55 1986	Shultz, George Pratt, 1920-	Philippine reforms and U.S. interests : the U.S. role in consolidating democracy : an address by George P. Shultz, U.S. Secretary of State, before the Foreign Policy Association, New York, June 4, 1986.	Manila : United States Information Service, Embassy of the United States of America, [1986]
E183.8.V5 M27 2007	Martini, Edwin A., 1975-	Invisible enemies : the American war on Vietnam, 1975-2000 / Edwin A. Martini.	Amherst : University of Massachusetts Press, c2007.
E184.K45 D37 2007	Das, Mitra.	Between two cultures : the case of Cambodian women in America / Mitra Das.	New York : Peter Lang, c2007.
G490 .F67 2007	Forsyth, Patrick.	First class at last! : London-Bangkok-Singapore-- the ultimate travel experience / Patrick Forsyth.	Singapore : Marshall Cavendish Editions, c2007.
GE70 .E38 2005		Education for sustainable development : the roles of universities as regional centres of expertise / editors, Omar Osman, Salfarina Abdul Gapor, Zainal Abidin Sanusi.	Pulau Pinang, Malaysia : Penerbit Universiti Sains Malaysia, c2005.
GE160.M4 M35 2000		Malaysian environment in crisis.	Penang, Malaysia : Sahabat Alam Malaysia, [200-]
GE320.P5 L66 2006		Looking back, moving forward : Haribon's experiences in community-based management in the Philippines.	Quezon City : Haribon Foundation, [2006]
GN487 .D84 1996	Dube, Leela.	Kinship and gender in South and Southeast Asia : patterns and contrasts / Leela Dube.	New Delhi : Centre for Women's Development Studies, c1996.
GR326.2.H55 R33 2006	Rabuco, Amorita C.	Hiligaynon mythological stories and folktales : analysis and translation / Amorita C. Rabuco.	Iloilo City, Philippines : University of San Agustin Pub. House, 2006.
HB849 .I616 1981	International Population Conference ( 1981 : Manila, Philippines)	International Population Conference, Manila, 1981 = Congrès international de la population.	Liège, Belgium : International Union for the Scientific Study of Population, c1983.
HC241 .E95 2007		EU's experience in integration : a model for ASEAN + 3? / Lisheng Dong & Günter Heiduk ( eds ) .	Bern ; New York : Peter Lang, c2007.
HC412 .C35 2003	Camilleri, Joseph A., 1944-	Regionalism in the new Asia-Pacific order / Joseph A. Camilleri.	Cheltenham, UK ; Northampton, MA : Edward Elgar, c2003.
HC412 .I5235 2006		International economic integration and Asia / edited by Michael G. Plummer, Erik Jones.	New Jersey : World Scientific, c2006.
HC422 .H45 2006	Heidel, Brian.	Growth of civil society in Myanmar / Brian Heidel.	Bangalore : Books for Change, 2006.
HC441 .A8436 2004		ASEAN in figures, 2003.	Jakarta : ASEAN Secretariat, c2004.
Disk HC443 .L46 2005		LaolInfo [electronic resource] : common indicators database system.	Vientiane, Lao PDR : National Statistics Centre, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
HC443.V5 B7 1964	Great Britain. Board of Trade.	Hints to business men visiting South Vietnam / Board of Trade.	[London, H.M. Stationery Off., 1964]
HC444 .B73 2006	Breisinger, Clemens.	Modelling infrastructure investments, growth and poverty impact : a two-region computable general equilibrium perspective on Vietnam / Clemens Breisinger.	New York, N.Y. : Peter Lang, 2006.
HC444 .F4657 2007	Fforde, Adam.	Vietnamese state industry and the political economy of commercial renaissance : dragon's tooth or curate's egg? / Adam Fforde.	Oxford : Chandos, 2007.
HC444.Z9 P69 2007		Vietnam poverty update report, 2006 : poverty and poverty reduction in Vietnam, 1993-2004.	Hanoi : National Political Publishers, 2007.
HC451 .R47 no.2006-02	Llanto, Gilberto M.	Innovations in microfinance in Southeast Asia / Gilberto M. Llanto and Ryu Fukui.	Makati City, Philippines : Philippine Institute for Development Studies, c2006.
HD2080.6 .N39 2002	National Farmer's Meeting ( 2002 : Kuala Lumpur?, Malaysia)	National Farmer's Meeting, 2002.	Petaling Jaya, Selangor Darul Ehsan : Education and Research Association for Consumers, Malaysia, [2003]
HD2088 .C66 2006		Contribution to Philippine agricultural modernization : selected papers of Fulbright-Philippine agriculture scholars / edited by Liborio S. Cabanilla, Mario G. Andrada and Liberty O. Inciong.	Makati City, Philippines : Fulbright-Philippine Agriculture Alumni Association, c2006.
HD2741 .R294 2006	Rashidah Abdul Rahman.	Effective corporate governance / Rashidah Abdul Rahman.	Shah Alam : University Publication Centre, Universiti Teknologi MARA, 2006.
HD2904 .S87 2006	Suta, I Putu Gede Ary, 1958-	Market performance of Indonesian public companies : an analysis of corporate reputation / I. Putu Gede Ary Suta.	Jakarta, Indonesia : Sad Satria Bhakti Foundation, c2006.
HD7804 .G56 2007		Globalisation and work in Asia / edited by John Burgess and Julia Connell.	Oxford : Chandos, 2007.
HD9066.T52 P67 2004	Pornsiri Suebpongsang.	Potential of futures market for rice in Thailand / Pornsiri Suebpongsang.	Beuren : Grauer, 2004.
HF1599 .R36 1994	Ramos, Fidel V., 1928-	Time for takeoff : the Philippines is ready for competitive performance in the Asia-Pacific / Fidel V. Ramos.	[Manila] : Friends of Steady Eddie, 1994.
HF2340.55 .F74 2005		Free trade agreements and their impact on developing countries : the Thai experience / Jakkrit Kuanpoth ... [et al.].	Nonthaburi [Thailand] : FTA Watch, 2005.
HF3800.55.Z5 G56 2006		Globalisation of executives and economics : lessons from Thailand / edited by John Walsh.	Oxford : Chandos, 2006.
HN700.4.Z9 G56 2007	Rehbein, Boike.	Globalization, culture and society in Laos / Boike Rehbein.	London ; New York : Routledge, 2007.
HN720.C6 E47 2005		Empowering the poor : the KALAH-CIDSS community-driven development project : a toolkit of concepts and cases / Environment and Social Development Unit, East Asia and Pacific Region ; Participation and Civic Engagement Group, Social Development Dept., Wor	Washington, D.C. : World Bank ; Pasig City, Philippines : World Bank Office, Manila, 2005.
HQ27 .A85 2002	Asia-Pacific Social Science and Medicine Conference ( 6th : 2002 : Kunming Shi, China)	Researching sexuality and sexual health in Southeast Asia and China.	Nakhon Pathom, Thailand : Southeast Asian Consortium on Gender, Sexuality and Health, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
HQ241.A5 C76 2006 Summary		Cross-border sexuality in the Greater Mekong Sub-Region : executive summary.	Nakhon Pathom : Southeast Asian Consortium on Gender, Sexuality and Health, c2006.
HQ799.8.M35 M56 1979		Ministry of Culture, Youth and Sports, Malaysia.	[Kuala Lumpur : Ministry of Culture, Youth and Sports, 1979?]-
HV97.F62 B74 2006	Bresnan, John, 1927-2006.	At home abroad : a memoir of the Ford Foundation in Indonesia, 1953-1973 / John Bresnan.	Jakarta : Equinox Pub., 2006.
HV403 .U85 2006	Utama, Adi Candra, 1976-	LSM vs LAZ : bermitra atau berkompetisi? : mencari model kemitraan bagi optimalisasi potensi filantropi menuju keadilan sosial / Adi Candra Utama.	Depok : Piramedia, 2006.
HV5840.B93 F35 2004		Failing grade : Burma's drug eradication efforts.	Bangkok : ALTSEAN Burma, 2004.
HV6535.P6 T47 2003		Terror in Mindoro : the murders of Eden Marcellana and Eddie Gumanoy.	Quezon City : Campaign Committee : Justice for Ka Eden and Ka Eddie in cooperation with the Ecumenical Consortium for a Just Peace, c2003.
HV6570.4.L28 H69 2001		How I got here : commercial sexual exploitation of children in Lao PDR.	Vientiane, Lao PDR : UNICEF, [2001?].
HV6626.54.A78 W48 2005		What's all this about the UN study on violence against children, regional consultation East Asia Pacific? / [produced by Helen Veitch].	Bangkok : Members of the Steering Committee for the East Asia Pacific Regional Consultation for the UN Study on Violence Against Children, 2005.
HV9800.4 .D36 2006	Danes, Kay.	Nightmare in Laos : the true story of a woman imprisoned in a communist gulag / Kay Danes.	Bangkok, Thailand : Maverick House, c2006.
JC495 .G69 2005	Grego, Frank.	Dictatorship under the guise of a unicameral parliament : from Mussolini to Hitler, Quezon, Marcos and you know who's next / by Frank Grego.	[Philippines : s.n., 2005]
JC599.M35 S46 2002	Seminar on Understanding Human Rights and Islam ( 2002 : Kuala Dungun, Terengganu)	Seminar on Understanding Human Rights and Islam : motivation, ideology, and relevance in a contemporary society : September 6, 2002, Tanjung Jara Resort, Dungun, Terengganu / supported by the Finland Embassy ... [et al.].	Petaling Jaya, Selangor Darul Ehsan : Era Consumer Malaysia, 2003.
JC599.M35 S84 2006		Suhakam after 5 years : state of human rights in Malaysia / edited by S. Nagarajan ; organised by ERA Consumer Malaysia ; supported by Embassy of Finland, Malaysia.	Petaling Jaya, Selangor Darul Ehsan : Education and Research Association for Consumers, Malaysia, 2006.
JQ778 .S55 2004	Shimizu, Maiko.	Indonesia general assembly election, presidential election 2004 : report of international observation mission, February-September 2004 / [written by Maiko Shimizu, Herizal Hazri].	Bangkok, Thailand : Asian Network for Free Elections : Asian Forum for Human Rights and Development, [2004]
JQ779.A45 P65 2007		Political parties' performance at local parliament in Indonesia / Arbi Sanit ... [et al.] ; Sri Nuryanti, editor.	Jakarta : Research Center for Politics, Indonesian Institute of Sciences and Netherlands Institute for Multiparty Democracy, 2007.
JV8490 .M535 2003		Migration in the Asia Pacific : population, settlement, and citizenship issues / edited by Robyn Iredale, Charles Hawksley, Stephen Castles.	Cheltenham, UK Northampton, MA, USA : Edward Elgar, c2003.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
JV8753.7 .A56 2005		Annotated bibliography : migration in the Greater Mekong Subregion / Mekong Migration Network, Asian Migrant Centre.	Kowloon, Hong Kong : Asian Migrant Centre, 2005.
JZ5584.I5 I57 2005	International Symposium on Peace Building in Aceh: Lessons from Sri Lanka and Northern Ireland ( 2004 : Bangkok, Thailand)	Building peace in Aceh : problems, strategies, and lessons from Sri Lanka, and Northern Ireland / edited by Kamarulzaman Askander, Ang Ming Chee.	Bangkok, Thailand : Asian Forum for Human Rights and Development ; Khon Kaen, Thailand : Southeast Asian Conflict Studies Network, Thailand, 2005.
JZ5588 .U55 2007		United Nations and global security : a Malaysian perspective / [edited by] Muhammad Rais Abd. Karim and Hamzah Ahmad.	Tanjong Malim : Penerbit Universiti Pendidikan Sultan Idris, 2007.
KBP144 .K35x 2006	Kamali, Mohammad Hashim.	Introduction to Sharī'ah / Mohammad Hashim Kamali.	Selangor, Malaysia : Ilmiah Publishers Sdn. Bhd., 2006.
KBP144 .M64 2006	Mohamad Akram Laldin.	Introduction to Shariah and Islamic jurisprudence / Mohammad Akram Laldin.	Kuala Lumpur, Malaysia : CERT Publications, c2006.
KF26 .F6354 2006a	United States. Congress. Senate. Committee on Foreign Relations. Subcommittee on East Asian and Pacific Affairs.	U.S.-Burma relations : hearing before the Subcommittee on East Asian and Pacific Affairs of the Committee on Foreign Relations, United States Senate, One Hundred Ninth Congress, second session, March 29, 2006.	Washington : U.S. G.P.O. : For sale by the Supt. of Docs., U.S. G.P.O., 2007.
KF27 .V4 2007a	United States. Congress. House. Committee on Veterans' Affairs.	Equity for Filipino veterans : hearing before the Committee on Veterans' Affairs, U.S. House of Representatives, One Hundred Tenth Congress, first session, February 15, 2007.	Washington : U.S. G.P.O. : For sale by the Supt. of Docs., U.S. G.P.O., 2007.
KPG1507 .S89 2006	Suzanna Mohamed Isa.	Environmental law in Malaysia / Suzanna Mohamed Isa.	Bangi : Penerbit Universiti Kebangsaan Malaysia, 2006.
KPG1753 .F47 2007	Fernando, Joseph M.	Federal constitutions : a comparative study of Malaysia and the United States / Joseph M. Fernando.	Kuala Lumpur, Malaysia : University Malaya Press, c2007.
KPM2300 .M45 1997	Mejica, Juan B.	Handbook on the governance of barangays in the Philippines / compiled & written by Juan B. Mejica and E.C. Malapit.	Quezon City : Kejo Educational System, c1997.
KPM2356.A311973 A4 2006	Philippines.	Provincial Water Utilities Act of 1973 : as amended by presidential decree nos. 768, 1479 and R.A. 9286 : with compilation of related presidential letters of instructions, executive orders and Supreme Court ruling on water districts as government owned an	[Manila?] : Produced by Congressional Support Staff, Public Affairs Dept., Local Water Utilities Administration, [2006]
P40.5.L352 S557 2005	Shepherd, Janet.	Striking a balance : the management of language in Singapore / Janet Shepherd.	Frankfurt am Main ; New York : Peter Lang, c2005.
P119.32.A78 L36 2007		Language and national identity in Asia / edited by Andrew Simpson.	Oxford ; New York : Oxford University Press, 2007.
PL4209.C478 P53613 2002	Chāt Kōp̄chitti, 1954-	Mad dogs & Co / Chart Korbjitti ; translated from the Thai by Marcel Barang.	Nakhon Rachasima, Thailand : Howling Books, c2002.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
PL4236.5 .L58 2004	Literary Heritage of Laos Conference ( 1st : 2004 : Viangchan, Laos)	Literary heritage of Laos : preservation, dissemination, and research perspectives / editorial committee: Kongdeuane Nettavong ... [et al.]	[Vientiane] : National Library of Laos ; 2005
PL4328 .I5 2005		In the shadow of Angkor : contemporary writing from Cambodia / edited by Frank Stewart, Sharon May.	Chiang Mai, Thailand : Silkworm Books, 2005.
PL4378.9.N4487 H6 2007	Nguyễn, Chí Thiện, 1933-	Hỏa Lò/ Hanoi Hilton stories / Nguyễn Chí Thiện.	New Haven, Conn. : Yale University, Southeast Asia Studies c2007.
PL5454.A2 T46 2006		Three Old Sundanese poems / edited and translated by J. Noorduyn and A. Teeuw.	Leiden : KITLV Press, 2006.
PL6601 .D65 2007	Dol, Philomena Hedwig, 1966-	Grammar of Maybrat : a language of the Bird's Head Peninsula, Papua Province, Indonesia / Philomena Dol.	Canberra, ACT : Pacific Linguistics, Research School of Pacific and Asian Studies, the Australian National University, 2007.
PN2058 .C65 2004	Coldiron, Margaret.	Trance and transformation of the actor in Japanese Noh and Balinese masked dance-drama / Margaret Coldiron.	Lewiston, N.Y. : E. Mellen Press, c2004.
PN4874.P55 A3 2007	Plate, Tom.	Confessions of an American media man / Tom Plate.	Singapore : Marshall Cavendish Editions, c2007.
PR9500.9.P36 A8 2007	Pamuntjak, Laksmi.	Anagram : poems / Laksmi Pamuntjak.	Depok : Katakita, 2007.
PR9530.8 .A15 2006		25 Malaysian short stories : the best of Silverfish new writing, 2001-2005.	Kuala Lumpur : Silverfish Books, 2006.
PR9530.9.A35 T4 2006	Adibah Amin.	This end of the rainbow : a novel / by Adibah Amin.	Penang : Phoenix Press ; Shah Alam, Selangor : Sole distributor, Karisma Publications, [2006?]
PR9530.9.H36 A61 2007	Halim, Tunku, 1964-	44 Cemetery Road : the best of Tunku Halim / Tunku Halim	Petaling Jaya, Selangor, Malaysia : MPH Pub., c2007.
PR9530.9.K35 C66 2007	Kam Raslan.	Confessions of an old boy : the Dato' Hamid adventures / Kam Raslan.	Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia : Marshall Cavendish Editions, 2007.
PR9530.9.K49 M2 2007	Khoo, Kheng-Hor.	Mamasan = [Mama sang] / Khoo Kheng-Hor.	Subang Jaya, Selangor, Malaysia : Pelanduk Publications, c2007.
PR9530.9.L474 C8 2007	Lee, Su Ann.	Curse / Lee Su Ann.	Cheras, Kuala Lumpur : Utusan Publications & Distributors, 2007.
PR9550.9.A38 W44 2006	Aguas, Francis Tanglao-	When the purple settles : the second play of the DEkolonyaSIYA trilogy / Francis Tanglao-Aguas.	Manila : Bathala Press, c2006.
PR9550.9.I42 P6 2006	Imperial, Alegria Albano-	Points in time / Alegria "Guia" Albano-Imperial.	Manila, Philippines : UST Pub. House, 2006.
PR9550.9.I54 A6 2005	Ingles, Raul Rafael.	Poems by Rafael [sound recording].	[Quezon City : University of the Philippines], c2005.
PR9550.9.R64 S8 2006	Rosca, Ninotchka.	Sugar & salt / Ninotchka Rosca ; illustrated by Christina Quisumbing Ramilo.	Pasig City : Anvil Publishing, 2006.
PR9619.3.H3236 D3 1998	Harper-Nelson, John.	Day they came : the Indonesian incident / John Harper-Nelson.	Northbridge, W.A. : Access Press, c1988 [i.e. 1998]
PS3568.A926 S73 1993	Rayle, James F.	Stay out of the wheat field / by James F. Rayle ; edited by Diana M. Montague.	Findlay, Ohio : AVP Books, 1993.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
PS3618.E86 R3 2006	Rethual, Gilbert.	Raja Bersiong Kudin Pertama / Gilbert Rethual.	[Cheras, Kuala Lumpur : Gilbert Rethual, 2006]
PS3625.A54 B8 2005	Yang, Steven.	Butterfly / Steven Yang.	[Bangkok] : Full Moon Books, c2005.
QE645 .M36 1957	Marks, P.	Stratigraphic lexicon of Indonesia / by P. Marks.	Bandung : Republik Indonesia, Kementerian Perekonomian, Pusat Djawatan Geologi, [1957]
QH186 .E26 2007		Ecology of Papua / Andrew J. Marshall, Bruce M. Beehler [editors].	Singapore : Periplus Editions, 2007.
RA410.A2 C58 2006	Civil Society Open Forum ( 2006 : Hyderabad, India)	Health investment for economic growth [electronic resource] : building blocks of pro-poor development : proceedings of the Civil Society Open Forum during the 39th Annual Meeting of ADB Board of Directors.	Manila, Philippines : Development Finance International, Inc., Asia Representative Office, 2006.
RA427.8 .T68 2005		Towards the success of health promotion / Wipada Kunaviktikul, editor.	Chiang Mai, Thailand : Faculty of Nursing, Chiang Mai University, c2005.
RA564.85 . W75 1999	Workshop on Women's Health ( 1999 : Beijing, China)	Women's health : Western Pacific Region.	Manila, Philippines : World Health Organization, Western Pacific Region, 2001.
RA650.7.A1 Q72 2007		Crisis preparedness : Asia and the global governance of epidemics / edited by Stella R. Quah.	Stanford, CA : Walter H. Shorenstein Asia-Pacific Research Center ; Baltimore, MD : Brookings Institution [distributor], 2007.
RB51 .Q34 2003	Dawson, David ( David J.)	Quality assurance of sputum microscopy in DOTS programmes : regional guidelines for countries in the Western Pacific / [prepared by David Dawson in collaboration with Sang Jae Kim and the Stop Tuberculosis ( TB) Unit at the Western Pacific Regional Office	Manila, Philippines : World Health Organization, Regional Office for the Western Pacific, Stop TB Special Project, c2003.
RG968.A1 M26 1997		Managing maternal and child health programmes : a practical guide.	Manila : World Health Organization, Regional Office for the Western Pacific, 1997.
RM184 .G85 1995		Guidelines for clinical research on acupuncture.	Manila, Philippines : World Health Organization, Regional Office for the Western Pacific, 1995.
RM666.H33 G85 1998		Guidelines for the appropriate use of herbal medicines.	Manila [Philippines] : World Health Organization, Regional Office for the Western Pacific, 1998.
RM666.H33 L54 2005	Lim, Robin, 1956-	Obat asli = The healing herbs of Bali / by Robin Lim ; with support and love from Yayasan Bumi Sehat.	Ubud, Bali : Half Angel Press, c2005.
RM666.H33 W67 1993	World Health Organization. Regional Office for the Western Pacific.	Research guidelines for evaluating the safety and efficacy of herbal medicines.	Manila : World Health Organization, Regional Office for the Western Pacific, c1993.
RS180.M35 A45 2006	Amnah Abdullah.	Traditional knowledge preserved : Lungkid generation / Amnah Abdullah.	[Penampang, Sabah : Amnah Abdullah, 2006-
S605.5 .C37 2005	Carambas, Maria Cristina D. M.	Economic analysis of eco-labeling in the agricultural sector of Thailand and the Philippines / Maria Cristina D.M. Carambas.	Bonn [i.e. Göttingen] : Cuvillier, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
SB191.R5 F74 2006	Fredenburg, Peter.	Sharing rice for peace and prosperity in the Greater Mekong subregion / Peter Fredenburg and Bob Hill.	Hartwell, Vic. : Temple House Pty Ltd., 2006.
SD387.C37 S95 2005	Syahrinudin.	Potential of oil palm and forest plantations for carbon sequestration on degraded land in Indonesia / Syahrudin.	Göttingen : Cuvillier, 2005.
SH334.7 .T67 1990	Torres, Eunice G.	English for fisheries technology / Eunice G. Torres, Michael L. Smith.	Metro Manila, Philippines : National Book Store, 1990.
TD313.M32 W38 2005		Water for people, people for water : a Malaysian citizen's guide to water issues and rights.	[Kuala Lumpur] : Monitoring Sustainability of Globalisation, [2005]
TX910.M4 S73 2007		Star guide to Malaysian street food / [writers/food scouts, Sharon Tan ... et al.].	Petaling Jaya : Star Publications ( Malaysia ) , c2007.
UA10.5 .Q55 2007	Quiggin, Thomas.	Seeing the invisible : national security intelligence in an uncertain age / Thomas Quiggin.	Singapore ; Hackensack, NJ : World Scientific ; [Singapore] : S. Rajaratnam School of International Studies, c2007.
Videodisc 4232 ( SEA)		Thaipusam [videorecording] / produced by Muzium [sic] and Antiquity Department.	[Kuala Lumpur] : Dept. of Museums and Antiquities, Ministry of Culture, Arts & Heritage, Malaysia, [2006?]
Videodisc 4234 ( SEA)		Labour of love [videorecording] : 22 years of dedicated service to the nation and the people : a tribute to Datuk Seri Dr. Mahathir Mohamad, Prime Minister of Malaysia, 1981-2003, from Star / production of Star Publications ( Malaysia ) Berhad ; producer, I	[Petaling Jaya, Selangor] : Star Publications ( Malaysia ) , c2003.
Z5118.E86 H38 1996	Hawa Abdul Majid.	Malaysian bibliography on ethnobotany / compiled by Hawa Abdul Majid ; edited by Badilah Saad.	Kuala Lumpur : Perpustakaan Negara Malaysia, 1996.
Oversize BV1060.S55 G64 2006 +	Goh, Robbie B. H., 1964-	Christian Ministry and the Asian nation : the metropolitan YMCA in Singapore, 1946-2006-- / Robbie B.H. Goh.	Singapore : Metropolitan YMCA, 2006.
Oversize CE61.I5 E35 2000 +	Eiseman, Fred B.	Balinese calendars / by Fred B. Eiseman, Jr.	Jimbaran, Bali : F.B. Eiseman, c2000.
Oversize DS530.65 .W55 2006 +		White shirts : how the USDA will become the new face of Burma's dictatorship.	Mae Sot, Tak, Thailand : Network for Democracy and Development, Documentation and Research Dept., 2006.
Oversize DS554.98.A5 M39 2006 +	Maxwell, T. S.	Of gods, kings, and men : the reliefs of Angkor Wat / photographs, Jaroslav Poncar ; text, Thomas S. Maxwell.	[Mannheim, Germany] : Edition Panorama, c2006.
Oversize DS555.44 .C484 1998 +	Chazee, Laurent.	Rural and ethnic diversities in Laos with special focus on the northern provinces / presented by Laurent Chazee for the workshop on "Rural and ethnic diversities in Laos with special focus on Oudomxay and Sayabury development realities," organized in Oudo	[1998]
Oversize DS558 .W47 2007 +	Westheider, James E., 1956-	Vietnam War / James E. Westheider.	Westport, Conn. : Greenwood Press, 2007.
Oversize DS559.73.U6 S24 2006 +		Homecoming : a tribute to Vietnam veterans / edited by Shirleen Sando ; photography, Shirleen Sando ... [et al.].	Kennett, Mo. Skyward Pub., 2006.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
Oversize DS568 .J36 2005 +	James, Helen, 1947-	Thailand culture and society then and now : a short history of Thailand's cultural development from prehistoric to contemporary times / Helen James.	Yangon, Myanmar : SEAMEO Regional Centre for History and Tradition, c2005-
Oversize DS570.S46 K49 1971a +	Keyes, Charles F.	Pivotal or marginal people? : the place of the Karen in Southeast Asia.	[1971]
Oversize DS570.S46 M37 1971a +	Marlowe, David H.	In the mosaic : cognitive bases of S'Kaw Karen-North Thai relationships / David H. Marlowe.	[1971?]
Oversize DS575 .T3603 1992a +		[Thai politics, 1992].	[1992]
Oversize DS588.L36 C86 2006 +	Cummings, Joe.	Lanna renaissance / text by Joe Cummings ; photography by Luca Tettoni ; foreward [i.e. foreword] & Lanna's future by Claudine Triolo.	Chiang Mai, Thailand : Dhara Devi Hotel, 2006.
Oversize DS596 .M437 2007 +		Merdeka 50 : a golden anniversary souvenir / [photography, Daniel T.S. Kon].	[Petaling Jaya, Selangor Darul Ehsan : Preston Corp., 2007]
Oversize DS597.215.M68 R35 2007 +		Raja Tun Mohar Raja Badiozaman : a gracious prince : the pride of the nation.	[Kuala Lumpur] : Malaysian Humanitarian Foundation, [2007?]
Oversize DS646.29.J38 C66 1980 +		Come, Central Java is waiting.	[Semarang] : Provincial Government of Central Java, Indonesia, [1980]
Oversize DS646.57.A66 W6 1992a +	Araujo, Fernando de.	Why and for what I am struggling : the defence plea of Fernando de Araujo presented to the public prosecutors team in the Central Jakarta State Court on May 11, 1992 for the sake of the self-determination of the Maubere people.	[1992]
Oversize DS647.B22 J5641 2001 +	Eiseman, Fred B.	Nyledét Jimbaran = Glimpses of Jimbaran : short essays on everyday life in a village in South Bali / by Fred B. Eiseman, Jr.	[Jimbaran, Bali : F.B. Eiseman], c2001.
Oversize DS647.J56 E345 2005 +	Eiseman, Fred B.	Babantenan offerings and their role in the daily lives & thoughts of the people of Jimbaran, Bali / by Fred B. Eiseman, Jr.	[Jimbaran, Bali] : F.B. Eiseman, Jr., c2005.
Oversize DS649.6 .B55 1992a +		Blaming the victims : the 12 November 1991 massacre in Dili, East Timor and the response of the Indonesian government.	[1992]
Oversize DS649.6 .E35 1992a +	Eglin, Peter.	Report on short-term research grant 00-4453 : Canada and the fifth freedom : the social construction of political facts : the case of East Timor / Peter Eglin.	[1992]
Oversize DS649.6 .T56 1992a +		Timorese UN project : an initiative of Melbourne's East Timorese community with the support of the East Timor Talks Campaign.	St. Kilda West, Vic., Australia : [East Timor Talks Campaign, 1992]
Oversize DS663 .C375 2005 +	Castro, Sandra.	Sourcebook to the Museum of the Filipino People.	[Manila] : Museum Foundations of the Philippines, Inc, c2005.
Oversize GN477 .R32 2002 +		Regional strategy for traditional medicine in the Western Pacific /c[World Health Organization, Western Pacific Region]	Manila, Philippines : WHO, Regional Office for the Western Pacific, 2002.
Oversize GN635.B8 B88 1970a +		Burmese kinship.	[197-?]
Oversize GN635.S58 S68 2005 +		Southeast Asia indigenous peoples and collaborative management in protected areas : proceedings of a Strategy and Planning Workshop, 3-6 August 2004, Chiang Mai, Thailand.	Chiang Mai, Thailand : Asia Indigenous Peoples Pact Foundation, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
Oversize HB1054.3.A3 F47 2002 +		Fertility and family planning in Cambodia / Kingdom of Cambodia, Ministry of Planning.	[Phnom Penh?] : Ministry of Planning, 2002.
Oversize HB2104.5.A3 D5413 2004 +		2004 Migration Survey : major findings / General Statistics Office.	Hanoi : Statistical Pub. House, 2005.
Oversize HC79.P6 C355 2002 +	Chamberlain, James R.	Poverty alleviation for all : potentials and options for people in the Uplands / prepared by James R. Chamberlain & Panh Phomsombath.	[S.L.] : Embassy of Sweden-Sida, [2002]
Oversize HC443 .L36 2005 +	Laos.	National socio-economic development plan 2005-06 : approved by the 8th Ordinary Session Meeting of the Fifth National Assembly, 11 October 2005 / Committee for Planning and Investment.	Vientiane : Committee for Planning and Investment, [2005]
Oversize HC443 .L361 2006b +	Laos.	National socio-economic development plan, 2006-2007 : approved by resolution of National Assembly numbered 10/NA-VI, dated 3rd July 2006 during the initial meeting of the National Assembly, Legislature VI.	Vientiane : Committee for Planning and Investment, 2006.
Oversize HC443 .P68 2005 +		Poverty reduction and shifting cultivation stabilisation in the uplands of Lao PDR : technologies, approaches and methods for improving upland livelihoods. Proceedings of a workshop held in Luang Prabang, January 27-30, 2004 / edited by Dr. Bounthong Boua	Vientiane, Laos : NAFRI, 2005.
Oversize HC444 .E264 1964 +		Economic guide to Vietnam industry.	Washington D.C. : Office of Vietnam Affairs, Bureau of the Far East, Agency for International Development, Dept. of State, [1964-
Oversize HC445.5 .M3312 2006 +	Malaysia.	Third industrial master plan, 2006-2020 : Malaysia, towards global competitiveness : IMP3.	Kuala Lumpur, Malaysia : Ministry of International Trade and Industry, Malaysia, [2006]
Oversize HC447 .S836 2006 +	Suryahadi, Asep.	Economic growth and poverty reduction in Indonesia : the effects of location and sectoral components of growth / Asep Suryahadi, Daniel Suryadarma, Sudarno Sumarto.	[Jakarta] SMERU Research Institute, [2006]
Oversize HC450.P6 O35 2005 +		Objective measures of family welfare for individual targeting : results from pilot project on community based monitoring system in Indonesia / Daniel Suryadarma ... [et al.].	Jakarta : SMERU Research Institute, [2005]
Oversize HC450.P6 P68 2001 +		Poverty reduction in Indonesia : constructing a new strategy / Environment and Social Development Sector Unit, East Asia and Pacific Region.	Jakarta : East Asia & Pacific Region, World Bank Office Jakarta, Environment and Social Development Unit, [2001]
Oversize HC450.P6 S82 2006 +	Sumarto, Sudarno, 1960-	Predicting consumption poverty using non-consumption indicators : experiments using Indonesian data / Sudarno Sumarto, Daniel Suryadarma, Asep Suryahadi.	[Jakarta] : SMERU Research Institute, [2006]
Oversize HC455 .I39 2006 +		Imperatives of real and equitable growth, FY 2007 : an alternative proposal for financing the millennium development goals in the 2007 budget : an NGO-Legislators' initiative.	[Philippines : NGO-Legislators Joint Committee, 2006]
Oversize HC460.C3 P49 2005 +		Philippines : meeting infrastructure challenges / Infrastructure Sector Department, East Asia and Pacific Region.	Washington, DC : World Bank : Public-Private Infrastructure Advisory Facility, c2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
Oversize HD1333.V5 S52 1973 +	Sherper, Keith W.	Grievances and land-to-the-tiller in Viet-Nam / by Keith W. Sherper with the collaboration of Phi Ngoc Huyen.	[1973]
Oversize HD2080.4 .I47 2005 +		Improving livelihoods in the uplands of the Lao PDR.	Vientiane, Lao : Produced by the National University of Lao PDR, the National Agriculture & Forestry Research Institute, [and] the National Agriculture & Forestry Extension Service, [2005]
Oversize HD2346.L28 G46 2006 +		Gender issues in micro and small enterprises in Lao PDR.	Vientiane, Lao PDR : Gender Resource and Information Development Centre : International Labour Organisation, 2006.
Oversize HD6077.2.L28 O63 1998 +	Oparaocha, Sheila.	Hmong women, opium cultivation & livestock production in Lao PDR / by Sheila Oparaocha.	Bangkok : AIT, [1998]
Oversize HD7222 .M99 +	Myers, Robert Julius, 1912-	Report on social security in Viet-Nam.	Saigon : U.S. Agency for International Development, 1969.
Oversize HD8706.5 .D56 1997 +	Djati, Arief.	Economic crises, labor and resistance : my experiences working with Indonesian workers / by Arief W. Djati.	[1997]
Oversize HD9016.A2 F6 2002 +		Food Security and Agricultural Development in Asia in the Context of Globalization : conference proceedings.	Quezon City, Philippines : Asia-Pacific Policy Center, c2003.
Oversize HD9016.J32 E97 1973 +		Export opportunities for Vietnam agricultural products in Japan / by Robert A. Frye ... [et al.].	[Washington] : International Development Center, 1973.
Oversize HD2083 .A38 2004 +		Agriculture policy for the future : Jakarta, 12-13 February 2004 : conference report / [hosted by] BAPPENAS, UNDP, FAO ; organized by United Nations Support Facility for Indonesian Recovery (UNSFIR) .	[Jakarta] : BAPPENAS, [2004]
Oversize HF3800.5.Z5 .B87 2005 +		Business : Vietnam development report 2006.	Hanoi : Vietnam Development Information Center, [2005]
Oversize HG178.33.I5 M53 2002 +		Microfinance services in Indonesia : a survey of institutions in 6 provinces.	Kebayoran Baru, Jakarta, Indonesia : Asia Foundation, [2002?]
Oversize HG178.33.L28 K37 1999 +	Karkas, Eleni.	NGOs, minority women and microfinance : focus on the Lao PDR / by Eleni Karkas.	[Dublin, Ireland?] : Concern Worldwide, [1999]
Oversize HG3881.5.W57 P63 no.4285 +	Cranfield, John A. L. (John Andrew Lionel) , 1969-	Poverty analysis using an international cross-country demand system / J.A.L. Cranfield, Paul V. Preckel & Thomas W. Hertel.	Washington, DC : World Bank, Development Research Group, Trade Team, [2007]
Oversize HG5752 .I57 1988 +		Investment priority list, 1987 : Indonesia index / prepared for the Investment Coordinating Board (BKPM) by Business Advisory Indonesia under the USAID Private Enterprise Development Project.	[Jakarta?] : Business Advisory Indonesia, 1988]
Oversize HJ9574.4.Z9 X544 2005 +		Final report on village finance : case study in Xien Nguen District, Luang Prabang Province : socio-economic research component.	Vientiane, Lao PDR : Lao-Swedish Upland Agriculture and Forestry Research Programme, [2005]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
Oversize HN704 .F76 2006 +		From access to income : regional and ethnic inequality in Indonesia / Daniel Suryadarma ... [et al.].	[Jakarta] : SMERU Research Institute, [2006]
Oversize HN720.C37 S55 2005 +		Significant change stories : Caraga Region 13, Mindanao, Philippines / [writers, Edicio dela Torre ... et al.].	Quezon City, Philippines : Convergence for Community-Centered Area Development ; Madrid, Spain : Instituto de Promoción y Apoyo al Desarrollo, c2005.
Oversize HQ792.P5 N38 2005 +		National framework for children's participation : a guide in promoting and upholding children's participation in the Philippines.	[Manila] : Council for the Welfare of Children : Unicef, [2005]
Oversize HQ799.P54 M37 2004 +	Maslang, Editha V. ( Editha Venus)	National Youth Commission / [Editha V. Maslang, Pedro Carlos Baclagon, Ferial S. Espiritu, writers].	[Manila?] : World Bank, [2004]
Oversize HQ1064.I5 A75 2006 +	Arifianto, Alex.	Public policy towards the elderly in Indonesia : current policy and future directions / [Alex Arifianto].	Jakarta : SMERU Research Institute, [2006]
Oversize HQ1240.5.L28 R87 2004 +		Rural women in community development and family health project, Lao People's Democratic Republic : report on the impact assessment of phase 2, January 2002-Oct. 2004.	[Vientiane?] : Lao Women's Union ; [Australia] : Family Planning Australia, [2004]
Oversize HQ1750.5 .I53 2003 +		Indicators on the rights of Vietnam's women.	Hanoi : Statistical Pub. House, 2003.
Oversize HQ1750.5 .W6 2002 +		Women in Viet Nam.	Manila : Asian Development Bank, 2002.
Oversize HT147.P6 P57 2006 +		Pinoy cities on the rise : Philippine cities competitiveness ranking project, 2005 / edited by Federico M. Macaranas, Amelia H.C. Ylagan.	Makati City, Philippines : Asian Institute of Management, Policy Center, c2006.
Oversize HT395.M39 M35 2005 +	Malaysia.	National physical plan.	Kuala Lumpur : Federal Dept. of Town and Country Planning, Ministry of Housing and Local Government, [2005]
Oversize HV555.I55 M64 2006 +	Mohamed Hatta Shaharom.	Tsunami-- grief beyond tears : notes on a humanitarian journey in Aceh, Indonesia, and north Malaysia / by Mohamed Hatta Shaharom.	Kuala Lumpur : Dewan Bahasa dan Pustaka, 2006.
Oversize HV800.P52 F54 2006 +		Filipino child of the millennium : national plan of action for children, 2005-2010.	Quezon City : Council for the Welfare of Children, [2006]
Oversize HV6431 .R5343 2006 +	Richardson, Michael, 1943-	Maritime-related terrorism : Al-Qaeda, Hezbollah, what next from the international Jihadist network? / Michael Richardson.	Singapore : Institute of Southeast Asian Studies, c2006.
Oversize HV9202.4.A5 A85 2003 +		Assessment of children in detention centres in Lao PDR / supported by UNICEF.	Vientiane : People's Supreme Prosecutor : Ministry of Public Security, [2003]
Oversize JV8753.7 .R47 2005 +		Resource book : migration in the Greater Mekong Subregion / Mekong Migration Network, Asian Migrant Centre.	Kowloon, Hong Kong : Asian Migrant Centre, c2005.
Oversize KNC982.W66 I58 2004 +		International trafficking in women : anti-trafficking law in Asia : expert meeting, November 25-27, 2003, Tokyo, Japan.	Tokyo, Japan : Asian Women's Fund, [2004]
Oversize KNW40.P64 R47 1992a +		Report of the trial of the East Timorese students in Jakarta.	[Jakarta?] : Indonesian Front for the Defence of Human Rights, [1992]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
Oversize KPG517 .T73 2007 +		Training module : Convention on Rights of the Child ( CRC) .	Kuala Lumpur, Malaysia : Human Rights Commission of Malaysia, [2007?]
Oversize KPG4404 .H57 2006 +	Hisyam Abdullah.	Law on drugs possession and trafficking in Malaysia / by Hisyam Abdullah @ Teh Poh Teik.	Kuala Lumpur : Marsden Law Book, 2006.
Oversize LA1206 .G46 2003 +		Gender and ethnicity in the context of equality and access in Lao education.	[Bangkok] : Unesco ; [Vientiane] : Ministry of Education, Lao PDR, [2003?]
Oversize LA1271 .I53 2004 +		Indonesia : education in Indonesia : managing the transition to decentralization.	Washington, D.C., USA : World Bank, [2004-2005]
Oversize LB2376.6.I5 I53 1987 +		Indonesia, general participant training project II : an interim report, 1984-1987.	Columbus, Ohio : Midwest Universities Consortium for International Activities, [1987]
Oversize ML1251.I53 J64 1989 +	Johnson, Carolyn Schiller.	Gamelan music performance in the midwestern United States / Carolyn S. Johnson.	[S.l. : s.n., 1989]
Oversize N7262 .A877 v.8 no.1 +		Asian art & culture. Southeast Asia today.	[New York, N.Y.] : Oxford University Press ; Washington, D.C. : Arthur M. Sackler Gallery, Smithsonian Institution, 1995.
Oversize N7321 .P84 2006 +		Public art in ( ter) vention : Fly with me to another world / [editor: Navin Rawanchaikul.]	Lamphun, Thailand : Fly With Me to Another World Project, 2006.
Oversize N7325 .B353 2004 +		BMS 2004 : bakat muda sezaman = the young contemporaries.	Kuala Lumpur : National Art Gallery, c2004.
Oversize N7325.8.H39 M36 1998a +	Mandal, Sumit Kumar.	Holding up the skies.	[1998]
Oversize N8650 .T74 2007b +	Treasures Fine Art Auction.	Treasures Fine Art Auction : auction, Sunday, May 6th, 2007.	Jakarta : Treasures Fine Art Auction, c2007.
Oversize ND1026.8.H82 A4 2006 +	Huang, Anton, 1935-1984.	Colors / Anton Huang.	Jakarta : Sidharta Fine Art, c2006.
Oversize ND1026.8.I74 A4 2006 +	Irfani, Rahmat Subani, 1949-2003.	Berkas cahaya = Rays of light / Rahmat Subani Irfani.	Jakarta : Edwin's Gallery, 2006.
Oversize ND1026.8.S35 A4 2002 +	Sasmitawinata, Barli, 1921-	Barli : o primeiro pintor Indonesio em Portugal.	Bandung, Indonesia : Museum Barli, [2002]
Oversize ND1030.S53 L5688 2006 +	Tan, Bridget Tracy.	Tze Peng in Paris / [written by Bridget Tracy Tan].	Singapore : Nanyang Academy of Fine Arts, Headquarters & School of Visual Arts, [2006]
Oversize ND1049.C478 A4 2006 +	Chen, Wenxi, 1906-	Convergences : Chen Wen Hsi centennial exhibition = Hui liu : Chen Wenxi bai nian dan chen ji nian zhan.	Singapore : Singapore Art Museum, 2006.
Oversize P92.A78 A85 2006 +		Asia media report : a crisis within / [produced and coordinated by IPS Asia Pacific ... ; edited by Johanna Son with Satya Sivaraman and Suman Pradhan].	Quezon City, Philippines : IPS Asia-Pacific Centre Foundation, c2006.
Oversize P92.A78 A85 2006 + copy 2		Asia media report : a crisis within / [produced and coordinated by IPS Asia Pacific ... ; edited by Johanna Son with Satya Sivaraman and Suman Pradhan].	Quezon City, Philippines : IPS Asia-Pacific Centre Foundation, c2006.
Oversize PK976.I5 G63 1998 +	Gonda, J. ( Jan) , 1905-1991.	Sanskrit in Indonesia / J. Gonda.	New Delhi : International Academy of Indian Culture : Aditya Prakashan, 1998.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
Oversize PL3935 .J66 1960a +	Jones, Robert B., 1920-	Prolegomena to a phonology of Old Burmese / Robert B. Jones.	[196-?]
Oversize PL4001.A831 B73 1978a +	Bradley, David, 1947-	Arakanese vowels / David Bradley.	[1978]
Oversize PL4052 .J66 1971a +	Jones, Robert B., 1920-	Some problems with proto-Karen tones / Robert B. Jones.	[1971]
Oversize PL4378.55.E55 T86x 2002 +		Two rivers : new Vietnamese writing from America and Viet Nam / Frank Stewart, editor ; Kevin Bowen, Nguyen Ba Chung, feature editors.	Honolulu : University of Hawaii Press, c2002.
Oversize QH77.L23 B565 2003 +		Biodiversity profile for Luang Namtha Province / [produced for] Lao People's Democratic Republic.	Hanoi, Vietnam : Danida, 2003.
Oversize QH77.L28 N37 2004 +		National biodiversity strategy to 2020 and action plan to 2010.	Vientiane : Lao People's Democratic Republic, 2004.
Oversize QH184.4 .B56 2003 +		Biodiversity country report / Ministry for Agriculture and Forestry (MAF), Science Technology and Environment Agency (STEA) ; [compiled by Bouaphan Phantavong ... [et al.] ; editors, Valdemar Holmgren ... [et al.]].	Hanoi, Vietnam : Danida ; Vientiane, Lao PDR : Science Technology and Environment Agency : Ministry of Agriculture and Forestry : United Nations Development Programme, 2003.
Oversize QH184.6 .V54 2005 +		Vietnam environment monitor, 2005 : biodiversity.	Washington, D.C. : World Bank ; Hanoi, Vietnam : World Bank in Vietnam : Ministry of Natural Resources and Environment : Embassy of Sweden, [2005?]
Oversize QL634.L28 K67 2001 +	Kottelat, Maurice.	Fishes of Laos / Maurice Kottelat.	Colombo, Sri Lanka : WHT Publications, c2001.
Oversize RA401.A785 R44 2005 +		Regional strategy for improving access to essential medicines in the Western Pacific Region, 2005-2010.	Manila, Philippines : World Health Organization, Western Pacific Region, c2005.
Oversize RA427.9 M35 2005 +		Making services work for the poor in Indonesia : a report on health financing mechanisms (JPK-Gakin) scheme in Kabupaten Purbalingga, East Sumba, and Tabanan / Alex Arifianto ... [et al.].	[Jakarta : SMERU Research Institute, 2005]
Oversize RA643.86.P6 D66 1998 +	Dominguez, Cynthia E.	Sexually transmitted diseases and HIV/AIDS in the Philippines : areas for health policy and systems research / [Cynthia E. Dominguez, Mediadora C. Sanie, Ronald A. Maligat].	[Manila] : Essential National Health Research Program, Dept. of Health, Republic of the Philippines, c1998.
Oversize RA644.T7 R43 2004 +		Reaching the poor : challenges for TB programmes in the Western Pacific region.	Manila : World Health Organization, Regional Office for the Western Pacific, c2004.
Oversize RA644.T7 R44 2000 +		Regional strategic plan to stop TB in the Western Pacific / [prepared by Taskforce for Stop TB in the WHO Regional Office for the Western Pacific in collaboration with Pierre-Yves Norval and Leopold Blanc].	Manila, Philippines : World Health Organization, Western Pacific Regional Office, c2000.
Oversize RA644.T7 T833 2005 +		Tuberculosis control in South-East Asia and Western Pacific regions, 2005 : a bi-regional report.	[Manila, Philippines] : World Health Organization, South-East Asia Region, Western Pacific Region, c2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>English</b>			
Oversize RA645.E64 E64 2004 +		Epilepsy in the Western Pacific Region : a call to action / Global Campaign against Epilepsy.	Manila, Philippines : World Health Organization, Regional Office for the Western Pacific, 2004.
Oversize RA790.7.A785 R44 2002 +		Regional strategy for mental health.	Manila [Philippines] : World Health Organization, Regional Office for the Western Pacific, 2002.
Oversize S531 .I52 1989 +		Indonesia : the Bogor Institute of Agriculture / by Gary Theisen ... [et al.].	Washington, D.C. : U.S. Agency for International Development, [1989]
Oversize S542.I52 L464 1971 +		Eastern Indonesia Research Center for Agriculture ( EIRCA) : master plan.	[Jakarta] : Republic of Indonesia, Dept. of Agriculture, 1971.
Oversize S542.I52 L466 1980 +		Master plan for the Lembaga Penelitian Pertanian Maros ( Maros Research Institute for Agriculture) in the 1980's.	[1980]
Oversize SB317.B2 L86 1983 +	Lumdang, Ely G.	Growing bamboo the Ilocos way : an illustrated easy method of producing bamboo / prepared by Ely G. Lumdang ; illustrated by Virgilio M. Aguila ; data collected by Dina M. Javier, Merlyn J. Abella, Ely G. Lumdang ; reviewed by Domingo V. Jacalne, Armando	College, Laguna : Produced by Forestry Development Center, College of Forestry, U.P. at Los Baños, [1983]
Oversize SD651 .I35 2001 +	Iglesias, Roy C.	Mountains of triumph : the PNOE EDC social forestry experience / text by Roy Iglesias ; photographs by J. Edwin Valenciano.	[Quezon City] : PNOE Energy Development Corp. : New Zealand Govt., c2001.
Oversize TD313.L28 N38 2004 +		National strategy for the rural water supply and environmental health sector.	[Vientiane : Ministry of Health?, 2004]
Oversize Thesis DS503 C81 2007 L377 +	Larsson, Tomas, 1966-	Capitalizing Thailand : colonialism, communism, and the political economy of rural land rights / by Tomas Henrik Larsson.	c2007.
Oversize TX724.5.M4 N66 2003 +		Nonya flavours : a complete guide to Penang Straits Chinese cuisine / compiled & edited by Julie Wong ; photography, Bonnie Yap ; recipe tester, Debbie Teoh.	Petaling Jaya, Selangor, Malaysia : Star Publications ; Penang, Malaysia : State Chinese ( Penang) Association, c2003.
Oversize DS554.62 .J3313 2007 ++	Jacques, Claude.	Khmer empire : cities and sanctuaries, fifth to the thirteenth centuries / Claude Jacques, Philippe Lafond ; [translated from the French by Tom White].	Bangkok : River Books, 2007.
Oversize HQ1750.4 .D48 1999 ++		Development plan for Lao Women, 1998-2003.	[Vientiane, Laos] : Lao Women's Union : UNIFEM, [1999]
Oversize LE203.8 .O94 1975 ++		Overview: credo versus performance.	Manila, Philippines : U.S.T., 1975.
Oversize RA644.D4 G84 2003 ++		Guidelines for dengue surveillance and mosquito control.	Manila : World Health Organization, Regional Office for the Western Pacific, 2003.
Oversize S542.I5 A35 1989 ++		Agricultural research policy statement.	Jakarta : Ministry of Agriculture, Agency for Agricultural Research and Development, [1989]
Oversize TX907.5.A78 W37 2007 ++	Warren, William, 1930-	Asia's legendary hotels : the romance of travel / William Warren ; photography by Jill Gocher.	Singapore : Periplus Editions ; North Clarendon, Vt. : Distributed [in North America] by Tuttle Pub., c2007.

Summary for 'Language' = English (278 detail records)

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>French</b>			
DC367 .A8 2007		Au service de la France : témoignages / [réunis par] Pierre Lanvers ; préface de Pierre Messmer.	Paris : Éditions LBM, c2007.
DS411.5 .L47 2007	L'Estra, François de, 1650-1697.	Voyage de François de L'Estra aux Indes orientales ( 1671-1675) / introduction, transcription & notes de Dirk van der Cruysse.	Paris : Chandeigne, c2007.
DS548 .R55 2007	Rignac, Paul.	Indochine, les mensonges de l'anticolonialisme / Paul Rignac.	Paris : Indo éditions, c2007.
DS550 .R37 2007	Rappolt, Axel.	Leclerc et l'Indochine 1945-1947 / Axel Rappolt.	Lille : Atelier national de reproduction des thèses, c2007.
DS553.4 .C67 2006	Costa, René-Pierre, 1923-	Derniers combats du 3e bataillon du 2e régiment de tirailleurs marocains / René-Pierre Costa ; préface du général Jacques Codet.	Toulon : Presses du Midi, 2006.
DS555.2 .G392 2003	Gay, Bernard, 1943-	Sources contemporaines du Laos, 1976-2003 = Contemporary sources on Laos / Bernard Gay, avec la collaboration de Khamla Sisomphou, Nguyễn Hào Hùng, Yang Baoyun	Singapore : ACRS ; Vientiane : Institut de recherche sur la culture, Laos : Comite National des Sciences, Laos, 2003.
DS556.39 T68 2007	Tourane, François.	Vietnam, mémoires vives / François Tourane ; sous la direction d'Olivier Weber.	Paris : Lonely planet, [2007]
Summary for 'Language' = French (7 detail records)			
<b>German</b>			
BX4705.T48 S36 2006	Schmitt, Oskar.	Würdiger Verwalter im Weinberg unseres Herrn Jesus Christus : Bischof Pierre Martin Ngô-dinh-Thuc / Oskar Schmitt.	Norderstedt : Books on Demand, c2006.
HC448.S9 W434 2006	Weber, Robert.	Kulturlandschaftswandel in Zentralsulawesi : historisch-geographische Analyse einer indonesischen Bergregenwaldregion / Robert Weber ; Hrsg., Heiko Faust, Werner Kreisel, Michael Waibel.	Göttingen : Universitätsverlag Göttingen, 2006.
PT2685.E5 Z76 2006	Kostka, Jan, 1976-	Peter Weiss' Vietnam/USA-Variationen über Geschichte und Gedächtnis / Jan Kostka.	Schkeuditz : Schkeuditzer Buchverlag, 2006.
Summary for 'Language' = German (3 detail records)			
<b>Indonesian</b>			
BL1163.3 .S87 2006	Suryanto, 1975-	Hindu dibalik tuduhan & prasangka / Suryanto, M.Pd.	Yogyakarta : Narayana Smrti Press, 2006.
BL1226.17.I52 B34635 1992	Sri Arwati, Ni Made, 1944-	Caru / Ni Made Sri Arwati.	Denpasar : Upada Sastra, [1992]
BL1226.17.I52 B3474 2003	Sri Arwati, Ni Made, 1944-	Hari raya Tumpek / Ni Made Sri Arwati.	Denpasar, Bali : Usada Sastra, [2003]
BL1226.82.F86 W53 2006	Wibawa, I Made Aripta, 1965-	Kematian yang dicita-citakan menurut Hindu : tinjauan filosofis upacara ngaben, Antyesthi Samskara / [penulis, I Made Aripta Wibawa].	Denpasar : Panakom Pub., 2006.
BL1844.I5 T36 2005	Tanggok, M. Ikhsan, 1965-	Mengenal lebih dekat "agama Khonghucu" di Indonesia / M. Ikhsan Tanggok.	Jakarta : Pelita Kebajikan, 2005.
BL2110 .S47 1999	Seminar Agama-Agama ( 19th : 1999 : Salatiga, Indonesia)	Agama-agama, kekerasan, dan perdamaian.	[Jakarta] : Bidang Marturia, PGI, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Indonesian</b>			
BL2120.L3 B85 2005		Bukti-bukti kebudayaan Hindu-Bud[d]ha di Lampung / tim penulis, I Made Giri Gunadi ... [et al.].	[Bandar Lampung] : Dinas Pendidikan Propinsi Lampung, UPTD Museum Negeri Propinsi Lampung "Ruwa Jurai", 2005.
BP63.I5 A51 2004	Amsyari, Fuad.	Andaikan saya menjadi presiden RI : catatan untuk generasi muda / [oleh Fuad Amsyari].	Surabaya : Amanah Press, 2004.
BP63.I5 A91 2005	Azhar, Muhammad, 1961 Aug. 8-	Wawasan sosial politik Islam kontekstual / Muhammad Azhar.	Bantul, Yogyakarta : UPFE, Universitas Muhammadiyah Yogyakarta, 2005.
BP63.I5 D565 2003		Dinamika kehidupan beragama Muslim pedesaan / editor, M. Syatibi al-Haqiri, Abd. Aziz al-Bone.	Jakarta : Puslitbang Lektur Keagamaan, Badan Litbang Agama dan Diklat Keagamaan, Departemen Agama RI, 2003.
BP63.I5 H3585 2006	Harits, A. Busyairi, 1959-	Dakwah kontekstual : sebuah refleksi pemikiran Islam kontemporer / A. Busyairi Harits ; pengantar, Abdul Djamil.	Yogyakarta : Pustaka Pelajar, 2006.
BP63.I5 M255 2005	Majelis Ulama Indonesia. Munas ( 7th : 2005 : Jakarta, Indonesia)	Himpunan keputusan Musyawarah Nasional VII Majelis Ulama Indonesia tahun 2005.	[Jakarta] : Sekretariat, Majelis Ulama Indonesia, 2005.
BP63.I5 M815 2006	Muhammad, Husein, 1953-	Spiritualitas kemanusiaan : perspektif Islam pesantren / [Husein Muhammad].	Yogyakarta : Pustaka Rihlah ; Cirebon : Fahmina Institute, 2006.
BP80.D35 M22 2006	M. Nasruddin Anshoriy Ch., 1965-	Ambo Dalle : maha guru dari bumi Bugis / M. Nasruddin Anshory Ch.	Yogyakarta : Penerbit Jendela bekerja sama dengan Pesan-Trend Budaya Ilmu Giri, 2006.
BP173.4 .B55 2005		Bila perempuan bersuara : delapan penjuror bergema : suara Mona Darwish, Maya Safira Muchtar, dan "Nia" / editor, Anand Khrisna & Muhammad Wandy Gulzar.	Jakarta : National Integration Movement bekerjasama dengan One Earth Media, [2005]
BP188.18.Y68 S26 2006	Sandhiyudha, Arya, 1983-	Renovasi dakwah kampus / Arya Sandhiyudha.	Jakarta : Kalimatun 'Anil Fityah, 2006.
BV4509.I5 S25 2006	Sairin, Weinata, 1948-	Menghidupi angin perubahan : percikan permenungan merefleksikan kehidupan / Weinata Sairin ; kata pengantar, A.A. Yewangoe.	Jakarta : BPK Gunung Mulia, 2006.
BX7800.R56 R56 2006	Rim, Meliani B. ( Meliani Buana)	Jerimia Rim : the story of an Eagle that changed a generation = sebuah kisah yang dituturkan oleh belahan jiwanya / Meliani B. Rim bersama Ellen R. Pantouw.	Yogyakarta : Kairos, 2006.
DS524.4 .W54 2005	Wiharyanto, A. K. ( A. Kardiyat) , 1943-	Asia Tenggara zaman pranasionalisme / oleh A. Kardiyat Wiharyanto.	Yogyakarta : Universitas Sanata Dharma, 2005.
DS632.K3 B36 2006	Bangun, Roberto, 1939-	Mengenal suku Karo / oleh Roberto Bangun.	Jakarta : Yayasan Pendidikan Bangun, 2006.
DS632.M4 A264 2004	Abidin, Mas'oe'd, 1935-	Implementasi adat basandi syarak, syarak basandi kitabullah / Mas'oe'd Abidin.	Padang : Pusat Pengkajian Islam dan Minangkabau, 2004.
DS632.M4 M48 2003		Merajut potensi rantau : solusi urang awak menghadapi masa depan / [editor, Firdaus, M. Ag., Risman Bustaman, Zulfison, S. Ag.].	[Jakarta] : Kartika Insan Lestari, [2003]
DS632.T35 I83 2005	Ishaq, Isjoni.	Orang Talang Mamak : perpsektif [i.e perspektif] antropologi ekonomi / Drs. H. Isjohni.	Pekanbaru : Unri Press, 2005.
DS632.3.C5 N92 2005	Nyoto, 1968-	Si "anak tiri" Republik : fenomena kehidupan sosial politik / Nyoto ; editor, Erwin Hartono.	Pekanbaru : Unri Press, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Indonesian</b>			
DS632.3.C5 R87 2007	Rustopo, 1952-	Menjadi Jawa : orang-orang Tionghoa dan kebudayaan Jawa di Surakarta, 1895-1998 / Rustopo ; kata pengantar, Bambang Purwanto.	Yogyakarta : Ombak bekerjasama dengan Yayasan Nabil, Jakarta, 2007.
DS640.M6 P73 2005	Pramudyo, Hendrar, 1956-	Dari Jalan Trunojoyo 3 ke Calle Julio Verne 27.	[Mexico City : Kedutaan Besar Republik Indonesia], 2005.
DS643 .S643716 2005	Soekarno, 1901-1970.	Indonesia menggugat : pidato pembelaan Bung Karno di muka hakim kolonial.	[Bandung : s.n., 2005]
DS644.4 .S255 2005	Sasongko, Hd. Haryo.	Bung Karno : nasionalisme dan demokrasi / Hd. Haryo Sasongko ; kata pengantar, Abdoel Sjoekoer.	Depok : Pustaka Grafiksi, 2005.
DS644.5.D463 P6 2006	Denny J. A.	Politik yang mencari bentuk : kolom di majalah Gatra / Denny J.A. ; editor, Fransiskus Surdiasis.	Yogyakarta : LKiS, 2006.
DS644.5 .I86 2006	Isra, Saldi.	Dinamika ketatanegaraan di masa transisi, 2002-2005 / Saldi Isra.	Padang, Indonesia : Andalas University Press, 2006.
DS644.5 .M347 2006	Makka, A. Makmur, 1945-	Sirkus-sirkus demokrasi / A. Makmur Makka.	Jakarta : Habibie Center, 2006.
DS644.5 .P75 2005		Profil politik Indonesia pasca Orde Baru / Azian Tamin ... [et al.].	Jakarta : Pusat Studi Politik Indonesia (PSPI) FISIP Unas bekerjasama dengan Pusat Studi Politik (PSP) Madani Institute, 2005.
DS646.13.A23 D37 2006	Abdullah, Herman, 1950-	Dari kota pinggir menjadi bandar metropolis : jejak langkah H. Herman Abdullah membangun kota Pekanbaru / [seperti dituturkan kepada] penyusun, Hendri Sayuti, Zulkarnain ; kata pengantar, Tenas Effendy.	Pekanbaru : Alaf Riau, 2006.
DS646.15.A8 D56 2006		Dinamika Aceh paska MoU Helsinki : kumpulan laporan monitoring, Agustus 2005-April 2006 / [tim Imparsial].	[Jakarta] : Imparsial, 2006.
DS646.15.P28 D37 2006		Dari kebatinan senapelan ke Bandaraya Pekanbaru : menelisik jejak sejarah Kota Pekanbaru, 1784-2005 / penyusun, Suwardi M.S. ... [et al.].	Pekanbaru : Pemerintah Kota Pekanbaru bekerjasama dengan Masyarakat Sejarawan Indonesia (MSI) Cabang Riau : Penerbit Alaf Riau, 2006.
DS646.15.R5 I85 2005	Ishaq, Isjoni.	Sejarah perlawanan Nara Singa / H. Isjoni, dkk.	Pekanbaru : Unri Press, 2005.
GF669.2 .F33 2003	Fachruddin.	Peranan nilai-nilai tradisional daerah Lampung dalam melestarikan lingkungan hidup / penulis/peneliti, Drs. Fachruddin, Suharyadi.	[Bandar Lampung] : Pemerintah Propinsi Lampung, Dinas Pendidikan, 2003.
GR324.S86 K38 2005		Katalog tradisi lisan komunitas adat terpencil Sulawesi Selatan / editor, Nurhayati Rahman, Esti Pertiwiningsih.	Makassar : La Galigo Press bekerja sama Divisi Ilmu Sosial dan Humaniora, PKP Unhas, dan the Japan Foundation, Asia Center, 2005.
GT1753.I5 P34 2004		Pakaian dan perhiasan pengantin tradisional Lampung / peneliti/penulis, Zuraida Kherustika ... [et al.].	Bandar Lampung : Pemerintah Propinsi Lampung, Dinas Pendidikan, UPTD Museum Negeri Provinsi Lampung "Ruwa Jurai," [2004]
GT1753.I5 S55 2005	Sinuraya, Esther Helena.	Pakaian dan upacara adat perkawinan Lampung Melinting / tim penulis, ketua, Esther Helena Sinuraya, Hi. Asnan Sabirin, Eko Wahyuningsih Zanariah.	[Bandar Lampung] : Dinas Pendidikan, Propinsi Lampung, UPTD Museum Negeri Propinsi Lampung "Ruwa Jurai," 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Indonesian</b>			
GV776.74.A2 A35 2006	Adi M. Soekirno, 1973-	Arung jeram : menelusuri tantangan, membangun kematangan / Adi M. Soekirno.	Yogyakarta : Insight, 2006.
HC447 .B83 2006	Budi Santosa, 1968-	Mendaki bukit terjal : masalah dan kebijakan ekonomi Indonesia pasca krisis / oleh Budi Santosa, Tawaf T. Irawan.	Jakarta : Penerbit Universitas Trisakti, 2006.
HC450.E5 H36 2005	Hamzens, Wildani.	Perencanaan di Indonesia 25 tahun mendatang / Wildani Hamzens.	Bogor : Labdawara, 2005.
HC450.P6 Y69 2006	Yowono.	Pelayanan publik dan kemiskinan : sebuah alternatif administrasi pelayanan publik / Yowono, dkk. ; pengantar, Drajat Tri Kartono.	Surakarta : Sebelas Maret University Press, 2006.
HC450.T4 I53 2006		Indikator daya saing teknologi di daerah / penulis, M. Arifin ... [et al.] ; editor, Suko Bandiyono.	Jakarta : Lembaga Ilmu Pengetahuan Indonesia, Pusat Penelitian Perkembangan Iptek, 2006.
HD899.S865 E79 2006	Erwin, Dr.	Tanah komunal : memudarnya solidaritas sosial pada masyarakat matrilineal Minangkabau / [Dr. Erwin].	[Padang] : Fakultas Ilmu Sosial dan Ilmu Politik, Universitas Andalas, [2006]
HD2082 .D37 2006	Darwis S. N.	Kebijakan pembangunan pertanian masa lalu : beberapa keluhan seorang pensiunan / Darwis S.N.	Bogor : Ar-Rahmah, 2006.
HD2083 .M453 2005		Membangun Indonesia / penulis, Soleh Solahuddin ... [et al.].	[Bogor] : Kabinet Pengabdian, BEM KM IPB : IPB Press, 2005.
HD2085.J36 F38 2004	Fatchan, Ach., 1957-	Pembelotan kaum pesantren dan petani di Jawa / Ach. Fatchan, Dr. Basrowi.	[Surabaya] : Yayasan Kampusina, 2004.
HD9576.I52 T73 2006		Tragedi & ironi Blok Cepu : nasionalisme yang tergadai / Marwan Batubara, dkk.	Jakarta : Bening CitraKreasi Indonesia, [2006]
HD9710.3.I62 R53 2006	Rianto, Yan.	Studi faktor-faktor determinan : kemampuan inovasi UKM / penulis, Yan Rianto, Budi Triyono, Chichi Shintia Laksani.	Jakarta : Lembaga Ilmu Pengetahuan Indonesia, Pusat Penelitian Perkembangan Iptek, 2006.
HF6146.T42 A36 2006	Adona, Fitri, 1968-	Citra dan kekerasan simbolik dalam iklan perusahaan di televisi / oleh Fitri Adona.	Padang : Andalas University Press, 2006.
HG3304 .B34 2005	Bahsan, M., 1940-	Giro dan bilyet giro perbankan Indonesia / M. Bahsan.	Jakarta : RajaGrafindo Persada, 2005.
HG3304 .B83 2006		Budaya kerja perbankan : jalan lurus menuju integritas / Eko B. Supriyanto, editor.	Jakarta : LP3ES : Forum Budaya Kerja Perbankan Nasional, 2006.
HG5760.L36 P48 2005		Peta peluang investasi Provinsi Lampung.	[Bandar Lampung] : Dinas Promosi, Investasi, Kebudayaan dan Pariwisata, Provinsi Lampung, 2004-2009 [i.e. 2005]
HM1261 .D59 2006	Djohan, Robby, 1938-	Leading in crisis : praktik kepemimpinan dalam mega merger Bank Mandiri / Robby Djohan.	Jakarta, Indonesia : Bara, 2006.
HN703.5 .G47 2006		Gerakan sosial : wahana civil society bagi demokratisasi / Darmawan Triwibowo, editor ; pengantar, Iwan Gardono Sujatmiko.	Jakarta : LP3ES : Perkumpulan PraKarsa, 2006.
HN703.5 .P455 2007		Pendataan prioritas penanganan permasalahan kesejahteraan sosial di enam provinsi / [penyusun, Bambang Pudjianto ... et al.].	Jakarta : Pusat Penelitian dan Pengembangan Kesejahteraan Sosial, Badan Pendidikan dan Penelitian Kesejahteraan Sosial, Departemen Sosial RI, 2007.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Indonesian</b>			
HN703.5 .P755 2005		Produktifitas jaringan kerja pranata sosial komunitas : model pengembangan dan penguatan ketahanan sosial masyarakat / [penulis, M. Syawie ... et al.].	Jakarta : Pusat Pengembangan Ketahanan Sosial Masyarakat, Badan Pelatihan dan Pengembangan Sosial, Departemen Sosial RI, 2005.
HN710.N45 S65 1998	Soetrisno R., 1938-	Memberdayakan masyarakat pedesaan / Soetrisno R.	Sidoarjo : Lembaga Ekologi Budaya, [1998]
HQ759 .H37 2006	Haque, Shahnaz.	Tribute to mom : saat anak-anak "hebat" mengenang ibunya / Shahnaz Haque, Okky Asokawati.	Kiaracondong, Bandung : Femmeline, 2006.
HQ799.I612 L364 2003	Fachruddin.	Upacara cangget agung aktualisasi nilai-nilai budaya daerah Lampung bagi generasi muda / penulis/peneliti, Drs. Fachruddin, Suharyadi, M. Aqil Irham ; editor, Wirda Usman, Sir Hamilton.	[Bandar Lampung] : Pemerintah Propinsi Lampung, Dinas Pendidikan, 2003.
HQ1236.5.I5 M65 2006		Modul perempuan untuk politik : sebuah panduan tentang partisipasi perempuan dalam politik / penyunting, M.B. Wijaksana.	Jakarta, Indonesia : Yayasan Jurnal Perempuan, 2006.
HT169.I54 J3765 2006		Politik kota dan hak warga kota : masalah keseharian kota kita.	Jakarta : Penerbit Buku Kompas, 2006.
HV6626.23.I5 S93 2005	Syokrani.	Kaji tindak penanggulangan kekerasan dalam rumah tangga / Syokrani, Sandra Bhakti Mafriana ; editor, Bambang Wicaksono, Anna Marie Wattie.	Yogyakarta : Kerja sama Ford Foundation dengan Pusat Studi Kependudukan dan Kebijakan, Universitas Gadjah Mada, 2005.
HV6771.I5 M34 2005	Maheka, Arya.	Mengenali dan memberantas korupsi / [penulis, Arya Maheka].	Jakarta, Indonesia : Komisi Pemberantasan Korupsi, [2005?]
JA88.I5 L33 2006	Labolo, Muhadam, 1972-	Memahami ilmu pemerintahan : suatu kajian, teori, konsep, dan pengembangannya / Muhadam Labolo.	Jakarta : RajaGrafindo Persada, c2006.
JQ769.5.C6 P46 2006		Pemberantasan korupsi & pemerintahan yang bersih : status kasus korupsi di DPRD dan kepala daerah / penulis, Anas Saidi ... [et al.] ; editor, Anas Saidi.	Menteng, Jakarta : Lembaga Ilmu Pengetahuan Indonesia, 2006.
JQ770 .H35 2006		Hajatan demokrasi : potret jurnalistik pemilu langsung simpul Islam Indonesia dari moderat hingga garis keras / editor, Asrori S. Karni.	Jakarta : Era Media Informasi, 2006.
JQ770 .K75 2006	Krishna, Anand, 1956-	Indonesia under attack! : membangkitkan kembali jatidiri bangsa / Anand Krishna.	Jakarta : One Earth Media bekerjasama dengan National Integration Movement, 2006.
JQ770 .P46 2006		Pelayanan publik bukan untuk publik / A. Patra M. Zen ... [et al.].	[Malang] : Kerjasama Malang Corruption Watch dan YAPPIKA, 2006.
JQ770 .U854 2006	Utomo, Warsito, 1943-	Administrasi publik baru Indonesia : perubahan paradigma dari administrasi negara ke administrasi publik / Warsito Utomo.	Yogyakarta : Pustaka Pelajar, 2006.
JQ770 .W75 2006	Wrihatnolo, Randy R.	Manajemen pembangunan Indonesia : sebuah pengantar dan panduan / Randy R. Wrihatnolo, Riant Nugroho Dwidjowijoto.	Jakarta : Elex Media Komputindo, c2006.
JQ772 .Y83 2005	Yudiati, Thoyyibah Kundewi, R. Ayu, 1939-	Restrukturisasi menuju birokrasi publik yang efektif / R. Ayu Thoyyibah Kundewi Yudiati.	Bandung : Asli Mandiri, 2005.
JQ773.7 .P54 2006	Pieris, John.	Dewan Perwakilan Daerah, Republik Indonesia : studi, analisis, kritik, dan solusi kajian hukum dan politik / John Pieris, Aryanthi Baramuli Putri ; pengantar, Ginandjar Kartasasmita, Hidayat Nur Wahid.	Kebayoran Baru, Jakarta, Indonesia : Pelangi Cendekia, 2006.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Indonesian</b>			
JQ778.D46 M4 2006	Denny J. A.	Memperkuat pilar kelima : pemilu 2004 dalam temuan survei LSI / Denny J.A., LSI ; editor, Fransiskus Surdiasis.	Yogyakarta : LKiS, 2006.
JQ778 .M86 2004	Munir, Misbahul, 1960-	Pemilu, demokrasi, dan ijihad politik perempuan / Misbahul Munir.	Surabaya : Visipress, 2004.
JQ779.A45 R66 2006	Romli, Lili.	Islam yes, partai Islam yes : sejarah perkembangan partai-partai Islam di Indonesia / Lili Romli ; pengantar, Maswadi Rauf.	Yogyakarta : Pustaka Pelajar ; Jakarta, Indonesia : Lembaga Ilmu Pengetahuan Indonesia, Pusat Penelitian Politik, 2006.
JQ779.A5114 N37 2006	Nasution, Noviantika, 1963-	Bobolnya kandang Banteng : sebuah otokritik / Noviantika Nasution.	Tomang, Jakarta : Suara Bebas, 2006.
JQ779.A5114 P88 2006	Putranto, Bambang.	Patahnya tanduk Banteng : kisah konflik demi konflik di tubuh Banteng / [Bambang Putranto, Togi Simanjuntak, Zen Hae].	Jakarta : KOJI, [2006]
JQ779.A518 E39 2006	Edward, Djony, 1969-	Efek bola salju : Partai Keadilan Sejahtera / Djony Edward.	Bandung : Harakatuna Pub., 2006.
JQ779.A533 E39 2006	Edy, M. Lukman ( Muhammad Lukman) , 1970-	Reformulasi gerakan PKB / M. Lukman Edy.	Jakarta : Setjen DPP PKB, 2006.
JS7193.A2 S48 2005	Seminar Milenium ( 5th : 2005 : Jakarta?, Indonesia)	Membangun Indonesia dari daerah / editor, M. Djadijono, I Made Leo Wiratma, T.A. Legowo.	[Jakarta] : Centre for Strategic and International Studies, 2006.
JS7197.3 .A83 2006	Asfar, Muhammad.	Mendesain managemen [i.e. manajemen] pilkada : panduan bagi stakeholders / Muhammad Asfar.	Surabaya : Pustaka Eureka, [2006]
JS7205.S57 Z36 2004	Zaman, Aqiq, 1964-	Potret wakil rakyat di era reformasi : refleksi memimpin DPRD Kabupaten Situbondo, 1999-2004 / Aqiq Zaman.	Malang, Jawa Timur, Indonesia : Bayumedia Pub., 2004.
KBP69.I5 K36 2006	Kamiluddin, Uyun, 1958-	Menyorot ijihad Persis : fungsi dan peranannya dalam pembinaan hukum Islam di Indonesia / Uyun Kamiluddin.	Buahbatu, Bandung : Tafakur, 2006.
KNW449 .S95 2000	Syam, Mohammad Noor.	Penjabaran filsafat Pancasila dalam filsafat hukum : sebagai landasan pembinaan sistem hukum nasional / disusun oleh Mohammad Noor Syam.	Malang : Penerbit Laboratorium Pancasila, IKIP Malang, 2000.
KNW1155 .S56 2003	Simposium Nasional HKI ( 4th : 2003 : Jakarta, Indonesia)	Prosiding / Simposium Nasional HKI, 18 Desember 2003.	[Jakarta] : Deputy Menteri Riset dan Teknologi, Bidang Pendayagunaan dan Pemasyarakatan Iptek, [2003]
KNW1639 .K43 2006		Keadilan tak bisa menunggu : studi kasus masyarakat desa mendorong tegaknya keadilan : naskah studi kasus Justice for the Poor Project dalam rangka studi village justice in Indonesia / editor, Matt Stephens, Peri Umar Farouk, Taufik Rinaldi.	Menteng, Jakarta : Justice for the Poor Project, the World Bank, [2006]
KNW1758.C57 S85 2005	Sugianto, Indro, 1963-	Class action : membuka akses keadilan bagi rakyat : konsepsi dan strategi pembaharuannya di Indonesia / Indro Sugianto.	Malang : In-Trans Press, 2005.
KNW2070 .P87 2006	Purwadi, 1971-	Pendekar konstitusi Jimly Asshiddiqie : satria bijak bestari dari bumi Sriwijaya / Dr. Purwadi.	Jakarta : Hanan Pustaka, 2006.
KNW2514 .M37 2006	Marbun, B. N.	DPRD : pertumbuhan dan cara kerjanya / B.N. Marbun.	Jakarta : Pustaka Sinar Harapan, 2006.
KNW3425 .G45 2006	Gelgel, I Putu, 1956-	Industri pariwisata Indonesia dalam globalisasi perdagangan jasa ( GATS-WTO) : implikasi hukum dan antisipasinya / I Putu Gelgel.	Bandung : Refika Aditama, 2006.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Indonesian</b>			
LB2826.6.I5 P48 2006		Petunjuk teknis keuangan bantuan operasional sekolah tahun 2006 : program peningkatan dan pengembangan pendidikan daerah ( propinsi, kota/kabupaten) : penuntasan wajib belajar pendidikan dasar 9 tahun, 2006-2009.	Jakarta : Cipta Jaya, 2006.
LB2953 .J65 2007	Joko Susilo, Muhammad, 1977-	Kurikulum tingkat satuan pendidikan : manajemen pelaksanaan dan kesiapan sekolah menyongsongnya / Muhammad Joko Susilo.	Yogyakarta : Pustaka Pelajar, 2007.
LC910.I5 I35 2006	Idi, Abdullah, 1965-	Revitalisasi pendidikan Islam / Abdullah Idi dan Toto Suharto ; kata pengantar, J. Suyuthi Pulungan.	Sleman, Yogyakarta : Tiara Wacana, 2006.
LC910.I5 M453 2006		Mencetak Muslim modern : peta pendidikan Islam Indonesia / penyunting, Jajat Burhanudin, Dina Afrianty.	Jakarta : RajaGrafindo Persada, c2006.
LC910.I5 R48 2006		Revitalisasi madrasah.	[Jakarta] : Puslitbang Pendidikan Agama dan Keagamaan, Badan Litbang dan Diklat, Departemen Agama, 2006.
LG181.J55 K66 2005		Konversi IAIN ke UIN Sunan Kalijaga dalam rekaman media massa / editor, Ahmad Baidowi, Jarot Wahyudi ; pengantar, M. Amin Abdullah.	Yogyakarta : SUKA-Press, UIN Sunan Kalijaga, 2005.
ML3758.I53 M46 2005		Menimbang pendekatan pengkajian & penciptaan musik Nusantara / editor, Waridi.	Surakarta : Jurusan Karawitan bekerjasama dengan Program Pendidikan Pascasarjana dan STSI Press, Sekolah Tinggi Seni Indonesia ( STSI) Surakarta, 2005.
N7326 .R56 2006		Rinenggaring Pak Bandem yang ngebyar.	Bantul, Yogyakarta : Badan Penerbit, Institut Seni Indonesia Yogyakarta, 2006.
NA4455.I5 J89 2004	Juwono, Sudarmawan, 1966-	Selayang pandang arsitektur kantor pos tempo doeloe / Sudarmawan Juwono.	Depok : Komunitas Pos, 2004.
P35.5.I5 O38 2006	Oktavianus, 1964-	Analisis wacana lintas bahasa / Oktavianus.	Padang, Indonesia : Andalas University Press, 2006.
PL5086 .Z53 2005		Ziarah ombak / [editor, Sulaiman Tripa, D. Kemalawati].	Lamyong, Banda Aceh, Indonesia : Lapena, [2005]
PL5089.A2695 K6 2007	Aguk Irawan Mn., 1979-	Kitab dusta dari surga / [Aguk Irawan Mn.].	Yogyakarta : P-Idea, 2007-
PL5089.H66 S2 2006	Hirata, Andrea.	Sang pemimpi / Andrea Hirata.	Yogyakarta : Bentang, 2006.
PL5089.I24 B33 2007	Ibrahim, Ratna Indraswari, 1949-	Batu sandung / Ratna Indraswari Ibrahim.	Yogyakarta : LKiS, 2007.
PL5089.M9863 S2 2002	Mustofa, Cakra.	Sang penyair : aku adalah siburung liar merpati kipas putih / Cakra Mustofa.	Surabaya : Komunitas Budaya Matahari-Media Pers : Citra Artha Grafica, 2002-
PL5089.N81 M4 2006	Noor, Agus.	Matinya toekang kritik / Agus Noor.	[Yogyakarta] : Lamalera, 2006.
PL5089.O36 K8 2006	Oh, Richard.	Koper : setiap orang mencari tanpa tahu apa yang hilang / sebuah karya Richard Oh.	Jakarta : Metafor Pub., c2006.
PL5089.Y45 R4 2007	Yendra, Melvi, 1975-	Rendezvous / [Melvi Yendra].	Jakarta : Penerbit Republika, 2007.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Indonesian</b>			
PN1992.6 .D36 2006		Dampak tayangan pornografi, kekerasan & mistik di televisi di Palembang dan Semarang / penulis, Masayu S. Hanim ... [et al.] ; editor, Masayu S. Hanim.	Menteng, Jakarta : Lembaga Ilmu Pengetahuan Indonesia, c2006.
PN2091.E4 J65 2006	Joko Aswoyo, 1956-	Di balik gelap terang cahaya / oleh Joko Aswoyo.	Surakarta : ISI Press, 2006.
PN5449.I5 D57 2006	Diskusi Kemerdekaan Pers, Kebijakan Negara, dan Pengurangan Angka Kemiskinan ( 2006 : Jakarta, Indonesia)	Kemerdekaan pers, kebijakan negara & pengurangan angka kemiskinan : peringatan Hari Kemerdekaan Pers Sedunia, 3 Mei 2006.	Jakarta : Dewan Pers : UNESCO, 2006.
PN5449.I5 M44 2006		Membangun kapasitas media / penyunting, Lukas Luwarso.	Jakarta : Dewan Pers, [2006]
PN5449.I5 S26 2005	Santosa, Wartini.	Kajian koleksi surat kabar terjilid dalam rangka peningkatan layanan Perpustakaan Nasional RI / disusun oleh Wartini Santosa, Djodjor Situmeang.	[Jakarta] : Perpustakaan Nasional RI, 2005.
PN6222.I56 H53 2006	Hidayat, Bahril, 1979-	Datuk Hitam / oleh Bahril Hidayat.	Yogyakarta : Pustaka Fahima, 2006.
PN6519.M54 S29 2004	Saydam, Gouzali.	Deskripsi arti dan makna pepatah & petiti Minangkabau : kajian adat dan budaya Minangkabau "Tuangan Limbago" / Gouzali Saydam.	Padang : Pusat Pengkajian Islam dan Minangkabau, [2004]
QE537.2.I5 Y86 2007	Yunas, Vaustinus Eko, 1973-	Pelangi di balik reruntuhan akibat gempa : 27.05.06-05.53-5,9 SR / Vaustinus Eko Yunas, Christina Septiningsih.	Yogyakarta : Yayasan Pustaka Nusantara, 2007.
RA644.I6 R34 2004	Rahardjo, Yonathan, 1969-	Avian influenza : pencegahan, pengendalian, dan pemberantasannya : hasil investigasi kasus lapangan : dilengkapi SK Mentan dan SK Dirjen Bina Prod. Peternakan / disusun oleh Yonathan Rahardjo ; editor ahli, C.A. Nidom.	[Pasarminggu, Jakarta, Indonesia] : Gallus Indonesia Utama, [2004]
S542.I5 D83 2004		Dua abad penelitian pertanian Indonesia.	Jakarta : Departemen Pertanian, Badan Penelitian dan Pengembangan Pertanian, 2004.
S542.I5 S93 2003	Syahyuti, 1967-	Bedah konsep kelembagaan : strategi pengembangan dan penerapannya dalam penelitian pertanian / oleh Ir. Syahyuti.	Bogor : Pusat Penelitian dan Pengembangan Sosial Ekonomi Pertanian, Badan Litbang Pertanian, 2003.
UA853.I5 K53 2006	Kirbiantoro, S., 1948-	Rekonstruksi pertahanan Indonesia : problematika, potensi, tantangan, dan prospek / S. Kirbiantoro, Dody Rudianto.	Jakarta : Golden Terayon Press, 2006.
Videodisc 4224 (SEA)		Kereta kencana [videorecording] : pertunjukan teater / SCEEMA (Sentra Cipta dan Explorasi Seni Massenrempulu) bekerja sama dengan BKKI Kota Makassar (Badan Kerjasama Kesenian Indonesia Kota Makassar) mempersembahkan ; naskah, Eugene Ionesco ; sutradara, T	Makassar : Meditatif Workshop Film, c2005.
Videodisc 4226 (SEA)		Perjalanan sebuah keakuratan [videorecording] / PT Pindad (Persero) corporate.	Bandung : Pindad, [2006?]
Videodisc 4227 (SEA)		Tanjidor, musik kesenian penyambut tamu [videorecording] / Badan Pemberdayaan Masyarakat Kota Makassar kerjasama Meditatif Film Workshop mempersembahkan ; naskah, Ihsan Faturrahman.	Makassar : Meditatif, 2005.
Z6958.I45 S57 2005	Situmeang, Djodjor.	Indeks beranotasi pemutakhiran data surat kabar terjilid Perpustakaan Nasional RI / disusun oleh Djodjor Situmeang.	[Jakarta] : Perpustakaan Nasional RI, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Indonesian</b>			
Oversize DS632.3.C5 L715 1998a +	Liem, Yoe-Sioe.	Etnis minoritas sebagai variabel perkembangan politik : peranakan Cina dalam proses perkembangan negara Indonesia / Yusu Liem.	[1998]
Oversize DS644.32 .Y37 2000a +	Yayasan Penelitian Korban Pembunuhan 1965/1966 ( Indonesia)	Program kerja Yayasan Penelitian Korban Pembunuhan 1965/1966 ( YPKP) .	[2000]
Oversize DS644.5 .B434 2000a +		Beberapa catatan tentang agenda rekonsiliasi.	[2000]
Oversize DS644.5 .I348 2007 +	Ikatan Kekeluargaan Alumni Lemhannas.	Kompendium konsepsi pemikiran strategik Ikatan Alumni Lemhannas ( IKAL) , 2003-2007 / Ikatan Alumni Lemhannas.	Jakarta : Pro Fajar, [2007]
Oversize DS644.5 .S254 1999a +	Saleh, Ibrahim.	Tatukura Soeharto.	[1999]
Oversize DS644.5 .T47 2004a +		Terbukti sudah, reformasi 98 tidak cukup-- : saatnya rakyat bersatu untuk menjatuhkan kapitalisme : statemen menyambut perayaan 21 Mei.	Jakarta : Komite Pusat, Komite Persiapan-Perhimpunan Rakyat Pekerja, [2004]
Oversize DS646.29.M267 P733 2006 +		Bedah naskah Nāgarakṛtāgama : proceedings.	Jakarta : Perpustakaan Nasional RI, [2006]
Oversize HD1333.I5 K37 1991a +		[Kasus kalender "Tanah untuk rakyat" ( TUR) : kompilasi].	[1991]
Oversize HD7224 .P76 2005 +		Profil program jaminan kesejahteraan sosial melalui Askesos & BKSP.	[Jakarta] : Direktorat Jaminan Kesejahteraan Sosial, Direktorat Jenderal Bantuan dan Jaminan Sosial, Departemen Sosial RI, 2005.
Oversize HV6626.54.I5 B85 2005 +		Buku pedoman deteksi dini, pelaporan, dan rujukan kasus kekerasan dan penelantaran anak bagi tenaga kesehatan : panduan bagi fasilitator.	[Jakarta] : IDI, [2005]
Oversize KNW41.N35 N35 1990a +	Naipospos, Bonar Tigor.	Kapankah kita menjadi bangsa yang dewasa : sebuah refleksi : pembelaan di depan Pengadilan Negeri Yogyakarta dalam menolak semua tuntutan Jaksa Penuntut Umum / Bonar Tigor Naipospos.	Yogyakarta : [s.n., 1990]
Oversize LB1629.5.I5 S73 2006 +		Standar isi dan standar kompetensi lulusan untuk satuan pendidikan menengah SMA, MA, SMK, MAK : peraturan Mendiknas no. 22 dan 23 tahun 2006.	Jakarta : Cipta Jaya, 2006.
Oversize N7326 .B53 2006 +		Biennale Jakarta 2006.	[Jakarta] : Dewan Kesenian Jakarta, 2006.
Oversize PL5089.T93 B924 1980a +		[Hasta Mitra statement regarding its publication of Bumi manusia by Pramoedya Ananta Toer, Nov. 20, 1980].	[1980]
Oversize PN4748.I65 D34 1999a +		Daftar pengeluaran SIUPP baru ( era reformasi) .	[Jakarta : Direktorat Pembinaan Pers, 1999]
Oversize PN5449.I5 W35 2006 +		Wajah pers Indonesia.	[Jakarta] : Departemen Komunikasi dan Informatika RI : Persatuan Wartawan Indonesia, [2006]

Summary for 'Language' = Indonesian (143 detail records)

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Javanese</b>			
PL5165 .W35 2005	Waloyo, Slamet.	Kawruh pepak basa Jawa : ngrewat bab kawruh basa, kasusastran, paramasastra lan aksara Jawa, nama-nama wayang : kangge sekolah dasar, sekolah lanjutan, madrasah lan umum / dening Slamet Waloyo.	Surabaya : Anugrah, 2005.
Summary for 'Language' = Javanese (1 detail record)			
<b>Lao</b>			
KPE3202 .K67 2006		Kotmāi vādūai kānsongsōem kānlongthun tāngpathēt yū Sāthālanalat Pasāthipatai Pasāson Lāo = Law on the promotion of foreign investment in the Lao People's Democratic Republic.	[Viāngchan] : Kom Songsoēm lāe Khumkhōng Kānlongthun Phāinai lāe Tāngpathēt, 2006.
KPE3272 .K67 2005		Kotmāi vādūai visāhakit.	[Viāngchan] : Kasūang 'Utsāhakam lāe Kānkhā, 2005.
NA1516 .C43 2005	Chaiphēt Saiyarāt.	Viāngchan, hūpsōm khōng mūāng thī kamlāng vivatthanā / [Chaiphēt Saiyarāt] = Vientiane, portrait d'une ville en mutation / Chayphet Sayarath.	Paris : Editions Recherches, c2005.
Oversize DS555.5 .A13 2005 +		30 pī 2 Thanvā 1975-2005.	[Viāngchan] : Samnak Khāosān Pathēt Lāo, 2005.
Oversize S471.L28 A13 2006 +		30 pī vālasān sathiti kasikam 1976-2005 = 30 years of agricultural statistics 1976-2005.	Viāngchan : Kasūang Kasikam lāe Pāmai, 2006.
Summary for 'Language' = Lao (5 detail records)			
<b>Malay</b>			
BP63.M27 I854 2007		Islam di tanah Melayu abad ke-19 / disunting oleh Farid Mat Zain.	Shah Alam : Karisma Publications, 2007.
BP166.2 .S4716 2005	Sha'rāwī, Muḥammad Mutawallī.	Dari limpahan Ar-Rahman : petua menghidupkan jiwa / oleh Fadhilah Asy-Syeikh Muhammad Mutawalli Asy-Sya'rawi.	Kuala Lumpur : Jasmin Enterprise, 2005.
BP173.4 .M84 2004	Muhammad, Husein, 1953-	Fiqh wanita : pandangan ulama terhadap wacana agama dan gender / Husein Muhammad.	Petaling Jaya, Selangor, Malaysia : Sisters in Islam, c2004.
BP173.43 .S46 2004	Seminar Keadilan Sosial Dalam Islam ( 2004 : Kuala Terengganu?, Terengganu)	Keadilan sosial dari perspektif Islam / penyunting, Khairul Azhar Idris.	Petaling Jaya, Selangor, Malaysia : MPH Pub. ; Kuala Lumpur, Malaysia : IKIM, c2007.
BP173.75 .S42 2004	Seminar Indeks-Indeks Pembangunan dari Perspektif Islam ( 2004 : Kota Baharu, Kelantan)	Pembangunan dari perspektif Islam / penyunting, Muhammad Hisyam Mohamad.	Petaling Jaya, Selangor, Malaysia : MPH Pub. ; Kuala Lumpur, Malaysia : IKIM, c2007.
BP180 .Z3643 2006		Zakat : penyariatannya, perekonomian, dan perundangan / disunting oleh Abdul Ghafar Ismail, Hailani Muji Tahir.	Bangi : Penerbit Universiti Kebangsaan Malaysia, 2006.
DS594 .R36 2006	Ramli Wan Mohamad, Wan.	Adat resam masyarakat Malaysia / Wan Ramli Wan Muhammad.	Kuala Lumpur : Jabatan Kebudayaan dan Kesenian Negara, Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia, 2006.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Malay</b>			
GE320.M3 S457 2004	Seminar Kebangsaan Geografi dan Alam Sekitar ( 2004 : Universiti Pendidikan Sultan Idris?)	Isu-isu & pengurusan alam sekitar fizikal / penyunting, Mohd. Hairy Ibrahim, Mohmadisa Hashim, Nasir Nayan.	Tanjong Malim, Perak : Penerbit Universiti Pendidikan Sultan Idris, 2006.
GR315 .T68 2006		Tradisi lisan bercorak cerita / diselenggarakan oleh Haji Othman bin Daya.	Kuala Lumpur : Jabatan Kebudayaan dan Kesenian Negara, Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia, 2006.
GV706.42 .B47 2006		Bersukan menurut perspektif Islam / susunan Bahagian Kajian dan Penerbitan, Pusat Da'wah Islamiah.	[Bandar Seri Begawan], Negara Brunei Darussalam : Pusat Da'wah Islamiah, Kementerian Hal Ehwal Ugama, 2006.
HD4904.7 .P363 2007		Pembangunan sumber manusia dalam era k-economy / disunting oleh Rahmah Ismail, Nor Aini Hj. Idris, Razak Mohd.	Bangi : Penerbit Universiti Kebangsaan Malaysia, 2007.
HN700.6.A8 D37 2003		Dasar sosial negara.	Kuala Lumpur : Kementerian Perpaduan Negara dan Pembangunan Masyarakat, 2003.
HQ57 .A45 2007	Amir Hasan Dawi.	Pendidikan seks : suatu perspektif sosial / Amir Hasan Dawi.	Tanjong Malim : Penerbit Universiti Pendidikan Sultan Idris, 2007.
HV400.6 .S57 2007	Siti Hajar Abu Bakar Ah.	Strategi kebajikan dan dasar sosial di Malaysia / Siti Hajar Abu Bakar Ah.	Kuala Lumpur : Penerbit Universiti Malaya, 2007.
PL5139.A366 Z89 2004	Talib Samat.	Ahmad Lutfi : penulis, penerbit, dan pendakwah / Talib Samat.	Kuala Lumpur : Dewan Bahasa dan Pustaka, 2004.
PL5139.A66 C2 2006	Arena Wati, 1925-	Cakra waruga / Arena Wati.	Bangi : Penerbit Universiti Kebangsaan Malaysia, 2006.
PL5139.A962 Z3 2006	Aziz Deraman.	Zaman baru : kumpulan puisi / A. Aziz Deraman.	Kuala Lumpur : Dewan Bahasa dan Pustaka, 2006.
PL5139.S52 Z86 2006	Talib Samat.	Teknik naratif cerpen-cerpen Shahnon Ahmad / Talib Samat.	Tanjong Malim : Penerbit Universiti Pendidikan Sultan Idris, 2006.
PL5139.T44 K3 2007	Faisal Tehrani.	Kekasih Sam Po Bo / Faisal Tehrani.	Putrajaya : Aberdeen Books World, 2007.
PN1993.5.S644 K86 2007		Kumpulan esei dan kritikan filem / Anuar Nor Arai.	Kuala Lumpur : Dewan Bahasa dan Pustaka, 2007.
SH334.7 .K43 2007	Khairul Rijal Pg. Hj. Abdul Rahim, Pg.	Teknologi menangkap ikan di Negara Brunei Darussalam, 1906-2003 / Pg. Khairul Rijal Pg. Hj. Abdul Rahim.	Kuala Lumpur : Penerbit Universiti Malaya, c2007.
Videodisc 4225 (SEA)		Qaisy & Laila [videorecording] / Serangkai Filem dan Nizarman mempersembahkan ; story & script, Habsah Hassan ; screenplay, Habsah Hassan, Rajah Ahmad Alauddin ; executive producer, Basri Musa, Habsah Hassan ; producers, Habsah Hassan, Ruhani Abdul Rahman	Kuala Lumpur : Exclusive distributor, Noble Transact, [2005]
Videodisc 4228 (SEA)		Nostalgia Dato' Fadzil Mohd. Noor, 1937-2003 [videorecording] : mujahid agung / skrip, Mohd. Rashidi Hassan ; penerbit, Mat Zahari Ali ; penerbit eksekutif, Saharudin Abu Noh.	[Kuala Lumpur] : Dewan Pemuda PAS Pusat, [2006?]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Malay</b>			
Videodisc 4229 (SEA)		Wacana interaktif media : 13 Ogos 2006, Pusat Belia Antarbangsa, KL / anjuran JIMedia & Wanita JIM.	[Kuala Lumpur] : JIMedia : Wanita JIM, [2006?]
Videodisc 4231 (SEA)		Majlis kenduri adat melenggang perut [videorecording] : majlis persiapan gotong-royong : Khamis, 19 Mei 2005 / penerbit, Encik Abdul Hamid bin Haji Muhamad.	Johor Bahru : Jabatan Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Negeri Johor ( Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia) , [2005?]
Videodisc 4233 (SEA)		Perkahwinan adat Rembau [videorecording] / penerbit, Kerajaan Negeri Sembilan.	[Seremban] : Jabatan Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Negeri Sembilan ( Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia) dengan kerjasama Kerajaan Negeri Sembilan, [2006?]
Videodisc 4235 (SEA)		Semangat merdeka [videorecording] / penulis skrip, Dato' Hj. Mohd. Zain Hj. Hamzah.	Kuala Lumpur : Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Pelancongan Malaysia, c2003.
Videodisc 4236 (SEA)		Jangan bunuh Sam [videorecording] / persembahan, Akademi Seni Kebangsaan ; arahan, Nam Ron ; sebuah karya Zakaria Ariffin.	[Kuala Lumpur] : Akademi Seni Kebangsaan : Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia, [2003?]
Videodisc 4237 (SEA)		Tikar mengkuang hamparan bulu [videorecording] / persembahan, Akademi Seni Kebangsaan ; arahan, Marlia Musa ; karya, Abd. Talib Mohd. Hassan.	[Kuala Lumpur] : Akademi Seni Kebangsaan : Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia, 2005.
Videodisc 4238 (SEA)		Menaechmi [videorecording] : sebuah teater klasik / persembahan, Akademi Seni Kebangsaan ; arahan, Rohani Yousoff.	[Kuala Lumpur] : Akademi Seni Kebangsaan : Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia, 2005.
Videodisc 4239 (SEA)		Tapestry tarian tradisional [videorecording].	[Kuala Lumpur] : Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia : Akademi Seni Kebangsaan, [2006?]
Videodisc 4287 (SEA)		Laila majnum [videorecording] / Cathay Organisation mempersembahkan sabuah film Cathay Keris ; penulis cerita, Yem bin Ja'afar ; penulis kata bual, Hamzah Hussein ; pengarah, B.N. Rao.	Cheras, Kuala Lumpur : Music Valley, [2002?]
Videodisc 4289 (SEA)		Bangsawan Megat Panji Alam [videorecording] / Akademi Seni Kebangsaan, Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia mempersembahkan sebuah karya bangsawan ; skrip dan arahan, Tuan Hj. Abdul Rahman Hj. Abu Bakar ( Rahman B.) ; penasihat produksi, Z	[Kuala Lumpur] : Akademi Seni Kebangsaan, Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia, [2005]
Z1029 .P44 2006	Perpustakaan Negara Malaysia.	Katalog koleksi nadir dan peribadi Perpustakaan Negara Malaysia.	Kuala Lumpur : Perpustakaan Negara Malaysia, Kementerian Kebudayaan, Kesenian dan Warisan Malaysia, 2006.
Oversize BP45 .R39 2007 +	Razali Shariff.	Pendidikan Islam : buku teks / penulis, Razali Shariff, Hasimi Osman, Asrati Mahdi ; editor, Mohd. Azam Johari, Hasbullah Abu Bakar.	Kuala Lumpur : Dewan Bahasa dan Pustaka, 2007-
Oversize DS597.215.A23 T86 2005 +		Tun Abdul Razak : a personal portrait / compiled by Yayasan Tun Razak.	Kuala Lumpur : Utusan Pub. & Distributors Sdn. Bhd., 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Malay</b>			
Oversize HD8039.T62 M45 2006 +		Kajian sosio-ekonomi penanam tembakau di kawasan tanah liat di Kedah, Perlis, dan Kelantan / oleh Ahmad Fauzi Haji Puasa ... [et al.].	Kepong, Kuala Lumpur : Institut Penyelidikan Perhutanan Malaysia, c2006.
Oversize PE3502.M3 M36 1998a +	Mandal, Sumit Kumar.	Permasalahan bahasa Inggeris dalam perspektif keperibadian nasional / Sumit Mandal.	[1998]
Summary for 'Language' = Malay (38 detail records)			
<b>Tagalog</b>			
GR325 .N46 2004	Nem Singh, Rosario P.	Piling alamat : sa atin at sa ibang bansa / Rosario P. Nem Singh.	Pasig City : Anvil, 2004.
KPM2107.M56 A3 1997	Philippines.	IPRA : Batas ng Republika blg. 8371 / [isinalin sa Pilipino ng PANLIPI at ECIP Secretariat].	[Philippines] : Reprinted by National Commission on Indigenous Peoples, [1997?]
PL6058.9.C38 P3 2006	Catilo, Ireneo Perez.	Pandesal at iba pang kuwento / Ireneo Perez Catilo.	Makati City, Philippines : Inilathala at ipinamamahagi ng Dandelion Strategic Marketing, 2006.
PL6058.9.L24 K8 2002	Lacaba, Jose F., 1945-	Kung baga sa bigas : mga piling tula / Jose F. Lacaba.	Diliman, Lungsod Quezon : University of the Philippines Press, 2002.
PL6058.9.M25 M47 2002	Mabanglo, Elynia S.	Mesa para sa isa : iba't ibang tula, 1991-2001 / Elynia S. Mabanglo.	España, Manila : UST Pub. House, c2002.
PL6058.9.O54 A62 2001	Ong, Bob.	Abnkkbsnpla ko? : mga kuwentong chalk / ni Bob Ong.	Makati City : Visual Print Enterprises, c2001.
TX402 .C67 2005	Cordero, Paciente A.	Gabay sa Pagkain ng gulay-dagat / Paciente A. Cordero.	Manila : Far Eastern University Publications, c2005.
Videodisc 2478		So-- happy together [videorecording] / [presented by] Regal Entertainment Inc. ; a film by Joel Lamangan.	Q.C., Metro Manila, Philippines : Regal Home Video, c2005.
Videodisc 4259 (SEA)		Pangako--ikaw lang [videorecording] / Viva Films presents ; director, Joyce E. Bernal ; producer, Vic del Rosario Jr. ; story and screenplay, Mel Mendoza-del Rosario.	Walnut, CA : Viva Video, c2001.
Videodisc 4261 (SEA)		Ang tanging Ina [videorecording] / Star Cinema Productions ; producer, Elma S. Medua ; story & screenplay, Mel Mendoza-del Rosario, Keiko Aquino ; directed by Wenn V. Deramas.	[Philippines] : Star Recordings, c2003.
Videodisc 4264 (SEA)		Dahil may isang ikaw [videorecording] / Viva Films presents ; story and screenplay, Mel Mendoza-del Rosario ; directed by Joyce Bernal ; producers, Vicente G. del Rosario III, Veronique del Rosario-Corpus.	Diliman, Quezon City : Viva Video, c2000.
Videodisc 4265 (SEA)		Saan Nagtatago Ang Pag-Ibig [videorecording] / Viva Films Inc. ; Director, Eddie Garcia ; screenplay, Armando Lao ; producer, Ramon Salvador ; story, Gilda Olvidado.	Manila : Viva Home Entertainment Inc., 2001.
Videodisc 4266 (SEA)		Minsan, Minahal Kita [videorecording] / Star Cinema ; directed by Oliva M. Lamasan ; story and screenplay, Ricky Lee, Olivia M. Lamasan ; producer, Malou N. Santos.	[S.I.] : Distributed by Star Recording, c2003.
Videodisc 4267 (SEA)		I will survive [videorecording] / Regal Entertainment, Inc. ; screenplay, Ricardo Lee ; producer, Roselle Monteverde-Teo ; directed by Joel C. Lamangan.	Pasig City, Philippines : Regal Home Video ; South San Francisco, CA : Distributed by Regal Capital, Inc., c2004.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Tagalog</b>			
Videodisc 4268 (SEA)		Super Noypi [videorecording] / Regal Home Video ; story, Roselle Monteverde-Teo ; screenplay, Blood Masaya ; directed by Quark Henares.	Pasig City, Philippines : Regal Home Video, c2007.
Summary for 'Language' = Tagalog (15 detail records)			
<b>Thai</b>			
BF636 .P45 2007	Phiphit Phumkæo.	Tāng thī khít-- chiwit chung tâng-- / [Phiphit Phumkæo ; Somkhit Lawāngkūn, bannāthikān].	Krung Thēp : Prō-Wichan, [2007?]
BJ1486.5.T5 L35 2007		Lāithæng khwāmsuk / Thīmkhāo Chīwit Khunnaphāp, Kōng Bannāthikān Matichon.	Krung Thēp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
BJ1618.T5 T43 2007	Thawatchai Phūtphon.	Khayan thūk thī khít thūk thāng rūai than wēlā sētthī tūa pen pen / [Thawatchai Phūtphon].	Krung Thēp : 'Etyūkhēchan Māilāi, 2550 [2007]
BL1165.T55 P433 2007	'Āthit Mūāngkhōn.	Khao 'Ō taksilā mahāwēt / 'Āthit Mūāngkhōn.	Krung Thēp : Waraitī Mīdīa, 2550 [2007]
BL1920 .T44 2006	Phra Thēpwisutthimēthī ( Ngūam ) , 1906-1993.	Sanraniphōn Phutthathāt Phikkhu wā dūai Tao / [Kawīwong, rūaprūam].	Krung Thēp : Samnakphim Sukkaphāp Čhai, 2549 [2006]
BQ843 .S27 2006	Sathīanphong Wannapok.	Sōng 'āčhān phūyingyai Lūang Phō Phutthathāt læ Lūang Phō Čhā / Sathīanphong Wannapok.	Krung Thēp : Kōngthun 'Ariyamak, 2549 [2006]
BQ4040 .D45 2006		Dek khīsongsai kap phūyai hūačhai thamma : kāndōenthāng khōng dek 9 khon phūa khonhā khamtōp khōng chīwit / bannāthikān, Monthirā Čhūthaphutthi.	[Krung Thēp] : Samnakphim 4-Letter Word, [2549 i.e. 2006]
BQ4190 .P45 2007	Phisut Kriāngbūraphā.	Thamma chiu chiu : dharmatainment ( thammabanthōng ) / Phisut Kriāngbūraphā.	Krung Thēp : Samnakphim Sukkaphāp Čhai, 2550 [2007]
BQ4190 .P468 2007	Phōthirak, Phra, 1934-	Thučharit khōng khondī / [Samana Phōthirak].	Krung Thēp : Čhao 'Asōk phūa Mūan Manutsayachāt, 2550 [2007]
BQ4190 .T43245 2007	Phra Thēpwisutthimēthī ( Ngūam ) , 1906-1993.	Hai thamma klap mā khōng lōk / Phutthathāt 'Inthapanyō.	Krung Thēp : Samnakphim Phet Prakāi, 2550 [2007]
BQ4190 .T437 2007	Phra Thēpwisutthimēthī ( Ngūam ) , 1906-1993.	Lōk yōm mī santiphāp trap thī mī tham yū nai lōk / Phutthathāt 'Inthapanyō.	Krung Thēp : Samnakphim Phet Prakāi , 2550 [2007]
BQ4190 .W695 2007	Wō. Wachiramēthī.	Thammā khā khun / Wō. Wachiramēthī.	Pathum Thānī : Wōēkphōi Samnakphim , 2550 [2007]
DA632 .T45 2007	Thīraphat 'Akkharasēranī.	Bæk pē pai dū bōn thī 'Angkrit dūai ngop hāmūn bāt / Thīraphat 'Akkharasēranī, bannathikān riāpriāng.	Krung Thēp : Samnakphim Bān Phra'āthit, 2550 [2007]
DL120 .K48 2007		Khūmū nakdōenthāng Denmāk.	Krung Thēp : Samnakphim 'Āthittā, 2550 [2007]
DP43.2 .N54 2006	Nichakamon Čhan'udom.	Pen pai dai thī Sapēn / dōi Nicha.	Krung Thēp : Inspire, 2549 [2006]
DS414.2 .T46 2007	Thōn Thamrongnāwāsawat.	Mūāng mahārāchā dāen fā čharot sāi = Rajasthan India / Thōn Thamrongnāwāsawat.	Krung Thēp : Samnakphim Bān Phra'āthit, 2550 [2007]
DS527.7 .P43 2003	Phairat Sūngkitbūn, 1957-	Thīeo Mīanmā / [Phairat Sūngkitbūn].	Krung Thēp : Samnakphim 'Athittā, 2546 [2003]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Thai</b>			
DS568 .D35 2007	Danai Chaiyayōthā.	'Ārayatham Thai / Danai Chaiyayōthā.	Krung Thēp : Samnakphim 'Ōđian Satō, 2550 [2007]
DS569 .P48 2006		Phūndin santiphāp læ chāttiphan / Yānam Thungkhunlūang ... [et al.].	Chīang Mai : Sūn Patibatkān Rūam phūa Kāekhai Panhā Prachāchon bon Phūnthī Sūng, 2549 [2006]
DS570.5 .K58 2006	Kittiphong Wirōtthammākūn.	Yōn rōi rātchusakunlawong Wang Nā-Wang Lang / Kittiphong Wirōtthammākūn.	Krung Thēp : Samnakphim Dōkyā 2545, 2549 [2006]
DS575 .P563 2007	Plēo Sīngcōn.	Hūang thahān / Plēo Sīngcōn.	Krung Thēp : openbooks, 2550 [2007]
DS575.5.148 A63 2007		'Ānām Sayām yut : wā dūai kānsongkhrām rawāng Thai kap Lao Khamēn læ Yūan / [Kō. Sō. Rō. Kulāp khat 'ao mā chāk 'ēkkasān khōng Thān Čhaoprayā Bōđindēchā].	Krung Thēp : Samnakphim Khōsit, 2550 [2007]
DS577 .D36 2007	Danai Chaiyayōthā.	Prawattisāt Thai : yuk 'Ānāchak 'Āyutthayā / Danai Chaiyayōthā.	Krung Thēp : Samnakphim 'Ōđian Satō, 2550 [2007]
DS578 R67 2006		Rotthang dōkmai rōiyim læ namtā / [phonngān phāpthai dōi chāngphāp sūmūanchon] = Tranquil coup d'état Thai style / [pictures by photo journalists].	[Bangkok] : Mūnnithi Phāpthāi Rūamsamai hāng Prathēt Thai, [2006]
DS578.32.A73 A74 2007	'Aphisit Wētchāchīwa, 1964-	Rōi fan wan fā mai / 'Aphisit Wētchāchīwa.	Krung Thēp : Samnakphim Khō Khit Dūai Khon, 2550 [2007]
DS578.32.A73 S86 2005	Sumēt Č hungloētsathitphong.	Phā thāng tan 'Aphisit sū banlang nāyok / Sumēt Čhungloētsathitphong.	Krung Thēp : Foēt Phaplitcing, 2548 [2005]
DS578.32.K453 S25 2007	Sāichon Sattayānurak.	Khukrit kap pradittakam "khwāmpen Thai" / Sāichon Sattayānurak.	Krung Thēp : Matichon, 2550 [2007]
DS581 .P44 2007	Phimān Čhāmcharat.	Dap suriyā thī Wākō / [Phimān Čhāmcharat ( Khāen Sangkhī ) ].	Krung Thēp : Samnakphim Sāeng Dāo, 2550 [2007]
DS588.A46 S84 2006	Sučhit Wongthēt, 1945-	Chū bān nām mūang Čhangwat 'Amnāt Čharcōn / [phūriapriang læ bannāthikān, Sučhit Wongthēt].	Krung Thēp : Samnakngān Khana Kammakān Watthanatham hāng Chāt, Krasūang Watthanatham, 2549 [2006]
DS588.N67 B86 2007	Bunsoēm Sātrāphai.	Lānnā-- mūa tawā / dōi Bunsoēm Sātrāphai.	Chīang Mai : Bookworm Publishing, 2550 [2007]
DS588.N67 C45 2007	Čharuphat Wimutsēt.	Thīeo Lānnā tām hā phūmpnyā Thai / [Čharuphat Wimutsēt ; Thīraphāp Lōhitkun, bannāthikān].	Krung Thēp : 'Ammarin Phrinting, 2550 [2007]
DS588.S68 W56 2007	Wimonphan Pīthawatchai.	Mūa fā mon chēđi hak thī Pak Tai / Wimonphan Pīthawatchai, riapriang.	Krung Thēp : Sathāban 'Itsarā, Samākhom Nakkhāo Nakkangsūphim hāng Prathēt Thai : Čatčhamnāi dōi Samnakphim Dī 'Em Čhī, 2550 [2007]
DS609.7 .N86 2007	Nūlek.	7 routes in Singapore / Nūlek.	Krung Thēp : Samnakphim 'Athittā, 2550 [2007]
DS712 .T38 2007	Thawīp Loētdamrongchai.	Prasokkān dāen mangkōn / Thawīp Loētdamrongchai.	Krung Thēp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Thai</b>			
DS778.C5374 B86 2007	Bunsak Sængrawī.	Čhångching / Bunsak Sængrawī.	Krung Thæp : Sisārā, 2550 [2007]
DU105.2 .N36 2007	Nanthanā Khamwat.	Australia destination tāmhā fan thī dindæen down under / [Nanthanā Khamwat].	Krung Thæp : 'Ān Plœn Samnakphim, 2550 [2007]
E169.Z83 P45 2007	Phimphõn Kitsuban.	"Trendy trip" 6 wan 4000 mai čhai koẽnroi / Phimphõn Kitsuban.	Krung Thæp : Samnakphim Fisik Sentoæ, 2550 [2007]
G128 .P43 2007	Phaibũn Bunyachai.	Phũmisāt phũmiphāk = Regional geography / Phaibũn Bunyachai.	Krung Thæp : Samnakphim 'Ōđian Satō, 2550 [2007]
GV838.673.T5 B37 2004	Bāramī Tembunkiat.	Thũklõng thõng thalē luk / Bāramī Tembunkiat ; Thõn Thamrongnāwāsawat, bannāthikān.	Krung Thæp : Samnakphim Bān Phra'āthit, 2547 [2004]
GV838.673.T5 W56 2006	Winit Rangphũng.	'Andāman khwāmlap thalē luk ( lang khlũn suñāmī ) / [Winit Rangphũng].	Krung Thæp : Samnakphim Bān Phra'āthit, 2549 [2006]
HB172.5 .S67 2007	Somlak Santirõtčhanakun.	Sætthasāt mahaphāk 1 / Somlak Santirõtčhanakun.	Krung Thæp : Samnakphim 'Ōđian Satō, 2550 [2007]
HD2746.55.T5 M37 2006	Mā Nõk.	Shin Corp [kap rūang] khānang khākhaio : bũnglang khwāmčing thī khon Thai maikhoēi rū : lakthān khwāmphit kōranī sũ khāi Shin Khõp / khamniyom dõi Somkiat Tangkitwānit ; [khīan, Mā Nõk læ Dek Nõk	Krung Thæp : Samnakphim Open Books, 2549 [2006]
HD8039.A432 T535 2007	Khačhitphan Chantharasākha.	Yāk pen 'æe čhai čha khāt / [Khačhitphan Chantharasākha].	Krung Thæp : Samnakphim Sai Čhai, 2550 [2007]
HF1008 .N859 2007	Num Mũangčhan.	Fātũt thurakit / Num Mũangčhan.	Krung Thæp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
HF1008 .N861 2007	Num Mũangčhan.	Phlik mum khit čhīwit plān : ( fātũt thurakit 8 ) / Num Mũangčhan.	Krung Thæp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
HF1008 .N865 2007	Num Mũangčhan.	Mõng lõk ngāi ngāi sabāi đī : ( fātũt thurakit 3 ) / Num Mũangčhan.	Krung Thæp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
HF1008 .N866 2007	Num Mũangčhan.	Fan klai klai bai chā chā : ( fātũt thurakit 4 ) / Num Mũangčhan.	Krung Thæp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
HF1008 .N867 2007	Num Mũangčhan.	'Āromđī kap chīwit : ( fātũt thurakit 5 ) / Num Mũangčhan.	Krung Thæp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
HF1008 .N868 2007	Num Mũangčhan.	Chīwit mai yāk thā tang čhõt ngāi : ( fātũt thurakit 6 ) / Num Mũangčhan.	Krung Thæp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
HF5386 .N65 2007		Nõk krõp mai nõk kēm / Kõng Bannāthikān Prachāchāt Thurakit.	Krung Thæp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
HF5438.4 .T43 2007	Thawīsak Suwakhon.	Thophũan kånbõrihān ngān khāi chõng konlayut : 60 nathī sũ khwāmsamret / Thawīsak Suwakhon = Strategic sales management review : the paths to success within 60 minutes / Thaweesakdhi Suvagondha.	Krung Thæp : Brand Age Books, 2550 [2007]
HF5549.5.I6 L36 2007	Lamdũan Čhātčhaidī.	Kānsõp samphāt phũa hai dai ngān = Interviews for future employment / Lamdũan Čhātčhaidī.	Krung Thæp : Bõrisat Thanaphon Wittayākān, 2550 [2007]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Thai</b>			
HF5655.T5 A64 2005	'Anchalī Phiphatthanasoēn.	Kānbanchī samrap phūbōrihān thī michai nakbanchī / 'Anchalī Phiphatthanasoēn.	Krung Thēp : Bōrisat Dūang Kamon Samai, 2548 [2005]
HF5823 .C44 2007	Āhētniphit Sāensuk.	Kānbōrihān ngān 'ōkbāep nithētsin = Visual communication design administration / Āhētniphit Sāensuk.	Krung Thēp : Samnakphim 'Ōdian Satō, 2550 [2007]
HG4551 .P43 2004	Phairōt Wichētchāt.	Rūai hun dūai krāp / Phairōt Wichētchāt.	Krung Thēp : Bōrisat Sī 'Etyūkhēchan, 2550 [2007]
HM1106 .A73 2007	'Atchirā Wanbančhop.	Khūmū khon nākhop / ['Atchirā Wanbančhop].	Krung Thēp : DDī, 2550 [2007]
HN700.55.A8 K37 2007		Kānpramoēn nayōbāi sāthārana dān sangkhom dūai withī kānsētthamiti / [Somkiat Tangkitwānit, bannathikān].	Krung Thēp : Sathāban Wičhai phūa Kānphatthana Prathēt Thai, 2550 [2007]
HN700.55.A8 N35 2007	Nanthakhwāng Sirasunthōn.	Mot nan tūa lek tǎe mai yut doēn / Nanthakhwāng Sirasunthōn.	Kōthōmō. [i.e. Krung Thēp Mahā Nakhōn] : Nēchan Buk, 2550 [2007]
HQ76.2.T5 N37 2006	Nathī Thīrarōtchanaphong.	Sadut nām tut : khūmū čhap kē nisai mai dī thī sombūn thī sut nai wongkān nangsū khūmū / dōi kē Nathī Thīrarōtchanaphong.	Krung Thēp : Thān Kānphim, [2006?]
HQ801 .N35 2006	Nāi Luklik.	Phūying bān yāng thoē na hā fāen mai dai rōk / [Nāi Luklik, khīan].	Krung Thēp : Bōrisat Ngotngām Khōpōrēchan, 2549 [2006]
HQ801 .P55 2006	Phimonwan Supphayāng.	Tǎengngān rū khun khān dī / [dōi Phimonwan Supphayāng].	Krung Thēp : Samnakphim Saičhai, 2549 [2006]
HV6535.T5 C435 2007	Charin Chāemsākhōn.	Sūp čhāk sai / [Sutthiphong Khamsawat, rūang ; Charin Chāemsākhōn, khīan].	Krung Thēp : Samnakphim Rūamdūai Chūaikan, 2550 [2007]
HV7911.P466 P37 2007	Patiphān Būraphā.	Tamnān Khun Phantharakrātchadēt čhōmkhamangwēt phūpluk kamnoēt "Čhatukhām Rāmmāthēp" / Patiphān Būraphā, rīapriāng.	[Bangkok] : Samnakphim Sirimongkhonkham, 2550 [2007]
JQ1745 .C399 2006	Čhai Ūngphākōn.	Rattasawatdikān thānglūak thī dīkwā prachāniyom khōng Thai Rak Thai / Čhai Ūngphākōn lǎe Kēngkit Kitirīanglāp.	[Bangkok] : Phak Nǎorūam Phāk Prachāchon, [2006?]
JQ1745 .K4586 2004		Khōsanō tō phīnōng phāk prachāchon phūa sāng phak nǎorūam.	Krung Thēp : Klum Prachātipatai Rǎengngān, 2547 [2004]
JQ1745 .P924 2007	Prawēt Wasī.	Kānmūang mai thī maichai ngoēn penyai / Prawēt Wasī.	Krung Thēp Mahā Nakhōn : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
JQ1749.A8 T435 2007		Khamwinitchai Sān Ratthathammanūn pit čhāk Phak Thai Rak Thai.	Krung Thēp : Samnakphim Bān Phra'āthit, 2550 [2007]
KPT2064.52007 A2 2007	Mānit Čhumpā.	Wiphāk kānpatirūp ratthathammanūn Thai Phō. Sō. 2550 / Mānit Čhumpā.	Krung Thēp : Samnakphim hǎeng Čhulālongkōnmahāwitthayālai, 2550 [2007]
KPT2064.52007 A3 2007	Khanin Bunyasuwān, 1946-	Chamlǎe rāng Rōthōnō. chabap Khōthōchō. / Khanin Bunyasuwān.	Krung Thēp : Samnakphim Rūamdūai Chūaikan, 2550 [2007]
NA1521.B2 P37 2005	Parinyā Trīnōisai.	Čhāk Sayām thung Sāthōn / Parinyā Trīnōisai.	Krung Thēp : Rōngphim hǎeng Čhulālongkōnmahāwitthayālai, 2548 [2005]
NA9378.T5 U46 2006	'Udom Choeikīwong.	'Anusāwarī : wat, saphān, khōng, thanon, praphēnī, khwāmchūa / rīapriāng dōi 'Udom Choeikīwong.	[Bangkok] : Samnakphim Phūmpanyā, 2549 [2006]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Thai</b>			
PE1498.2.T5 N57 2007	Niphon Kāpslapphon.	Rian 'Angkrit čhāk nithān sōn čhai radap lōk ( chabap prapprung) = Learn English from world's great fables / Niphon Kāpsalapphon.	Krung Thēp : Thrītsadī, 2550 [2007]
PK2916 .A39 2007		'Alangkānsāt / Pō. Sō. Sātsatrī, plāe čhāk ton chabap phāsā Sansakrit	Krung Thēp : Krom Sinlapākōn, 2550 [2007]
PL539 .W57 2007	Wīrawan Wachiradilok.	Phūtčhā phasā ( khon) Yīpun / phūtčhāng Wīrawan Wachiradilok, Chikhāko Khikhuchi, Māsāko Yōkhō'ī.	Krung Thēp : Samnakphim Phasā lāe Watthanatham, Samākhom Songsoēm Thēknōlōyī ( Thai-Yīpun) , 2550 [2007]
PL4187.E5 W58 1996	Wit Thīangbūranatham.	Otčhanānukrom Thai-'Angkrit = A new model Thai-English dictionary / Wit Thīangbūranatham.	Krung Thēp : Samnakphim Suriyaban, 2539 [1996].
PL4206 .N36 2006		Naowarat pradap lā rūang phayōm : wan nakklōn 10 Thanwākhom 2549.	Nonthaburī : Samākhom Nakklōn hāng Prathēt Thai, [2006]
PL4208 .N35 2006		Nai wantī rao ( mai) rakkān / [Dek Thalē, Tintin, Nāi Nōi].	Krung Thēp : Samnakphim Čhāmsai, 2549 [2006]
PL4209.A525 T43 2005	Amp.	Thangmot khōng hūačhai khū' thōe / [Amp].	Krung Thēp : Samnakphim Čhāmsai, 2548 [2005]
PL4209.A618 K48 2005	'Anōthai, 1982-	Khū' thuksing phūa thōe / [Anōthai].	Krung Thēp : Samnakphim Čhāmsai, 2548 [2005]
PL4209.C439 S65 2007	Čhatuphōn Phāngtōngdī.	Sōk phai bai khāo / Čhatuphōn Phāngtōngdī.	Krung Thēp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
PL4209.D39 K44 2006	Dāwut Lāwang.	Khen rak khun phūkhaō / [phūkhiān, Dāwut Lāwang].	[Bangkok] : Samnakphim Rōtī Buk, 2549 [2006]
PL4209.M7 N86 2005	Mottanōi.	Num namphrik phao vs sāo mājōngnēt / [Mottanōi].	Krung Thēp : Samnakphim Čhāmsai, 2548 [2005]
PL4209.N3505 U63 2007	Nalat.	'Un'ai tai ngao rak / [Nalat].	Krung Thēp : Čhāmsai, 2550 [2007]
PL4209.R566 H83 2007	Romkāeo.	Hūačhai mai kōeī yut ( rak) / Romkāeo.	Krung Thēp : Phimkham Samnakphim, 2550 [2007]
PL4209.S587 N59 2007	Sirindā.	Niyām rak hūačhai rōk / [Sirindā].	Krung Thēp : Čhāmsai, 2550 [2007]
PL4209.S6902 K48 2006	Somchāi Tēyathiti.	Khun Somchāi / mai tōng plāe tēe rīapriāng dōi Somchāi Tēyathiti.	[Bangkok] : Samnakphim 'Āromdī, 2549 [2006]
PL4209.S69537 T85 2005	Sōnrām Thēpphithak.	Tūkaphāo / Num Sōnrām.	Krung Thēp : Phō'ēmā Buk, 2548 [2005]
PL4209.S697 K47 2007	Sōphī Phanrāi.	Khunchāi talē sāi / Sōphī Phanrāi.	Krung Thēp : Phimkham, 2550 [2007]
PL4209.S95 S26 2007	Sānti Phakdīkham.	Sunthōn Phū nai prawattisāt sangkhom Rattanakōsin : mummōng mai : chīwit lāe phonngān / Sānti Phakdīkham.	Krung Thēp : Samnakphim Matichon, 2550 [2007]
PL4209.W856 S65 2007	Wō. Winitchaikun.	Songkhrām ngoēn / Wō. Winitchaikun.	Krung Thēp : Samnakphim Trī Bī, 2550 [2007]
PL4209.Y56 K4 2003	Yong Yasōthōn.	Kham'ai / Yong Yasōthōn.	Krung Thēp : Mūnnithi Sathāban Wichākān 14 Tulā, 2546 [2003]
R733 .K72 2007	Krames, Manfred.	Phraphutthachāolūang na sapā kānphāet khōng Yōeramān / Profētsoē Māenfrēt Khamēt.	Čhīang Mai : Interspa-Publications, 2550 [2007]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Thai</b>			
RA643.86.T5 C43 2006	Čhai Ũngphākōn.	Thammai thunniyom tham hai 'ēt pen rōk rāiræng / Čhai Ũngphākōn.	[Bangkok] : Phak Næorūam Phāk Prachāchon, [2006?]
RA645.D5 M36 2007	Mānop Praphāsānon.	Fuk ton phichit baowān / [Mānop Praphāsānon].	Krung Thēp : Rūan Panyā, 2550 [2007]
RA776.5 .M64 2007	Mō Dæng.	Mahatsačhan thammachat bambat : sukkhaphāp đī mai mī khāi yāk dai tōng dū læ 'ēng / Mō Dæng.	Krung Thēp: Krēt Dīsāi 'æen Phrin, 2550 [2007]
RA776.98 .P86 2007	Pumphēt Na Chai.	Sūai sai ping phūying laisatāi / [dōi Pumphēt Na Chai].	Nonthaburī : Samnakphim Kambī, 2550 [2007]
RA784 .A35 2006		'Ahān læ nam khwām'yūrōt læ khwāmsuk thī yangyūn.	Krung Thēp : Mūnnithi Sāthāranasuk hæng Čhāt, 2549 [2006]
RC569 .O63 2005	'Ōn'anong 'Intharačhit.	Thammai tōng khā tūa tāi / 'Ōnanong 'Intharačhit, Narin Krinchai = A cry for help! / Ornanong Intarajit, Narin Karinchai.	Krung Thēp : Sathāban Chittawitthayā Hōt Lāi, 2548 [2005]
S494.5.B563 N57 2006	Nitsī Sængdūran.	Theknōlōyī chīwaphāp thāng kānkasēt / Nitsī Sængdūran, Samphan Khamphirānon.	Krung Thēp: Samnakphim Mahāwitthayālai Kasēsāt, 2549 [2006]
TR800 .P73 2006	Prasit Čhansērīkōn.	Thāiphāp tainam : chabap sombūn / Prasit Čhansērīkōn.	Krung Thēp : Samnakphim 'Imēt Fōkat, 2549 [2006]
TS156.8 .H3919 2006	Hayler, Rowland.	Kānčhatkān krabūankān tām lak six sigma / [Rowland Hayler læ Michael Nichols, phūkhīan ; Phairōt Bālan, phūplæ ; Witthayā Suharitamrong, bannathikān].	Krung Thēp : Ā. 'Ai. Sakhwæ Phaplitcing, 2549 [2006]
Oversize BF1708.8.T5 P48 2007 +	Phutthalak.	Hōrasāt yūrēniam phūnthān / dōi Phutthalak.	Krung Thēp : Samnakphim Ratsamīčhan, 2550 [2007]
Oversize BQ6336 .F86 2007 +	Fūn Dōkbūa.	Wat læ phrasong thāng Phraputthasāsanā nai Prathēt Thai / Fūn Dōkbūa.	Krung Thēp : Būraphāsān, 2550 [2007]
Oversize DS568 .D47 2007 +	Dētbōdin Rattapiyaphāphōn.	Thaisuksā / [Dētbōdin Rattapiyaphāphōn, Phatcharin Čhungprawat, Sumānikā Čhanbančōēt].	Krung Thēp : Thripphōen 'Ētdūkhēčhan, 2550 [2007]
Oversize DS578.32.A48 T45 2005 +		Thīraluk nai phithī phrarāčchathān phlōeng sop Mōm Rāčhawong 'Adunakit Kitiyākōn : na mēru lūang Wat Thēpsirintharāwāt, Wansao thī 10 Kanyāyon Phō. Sō. 2548.	[S.l. : s.n.], 2548 [2005]
Oversize GC11.2 .S27 2006 +	Saran Phetphirun.	Samutkōranī / Saran Phetphirun.	Krung Thēp : Samnakphim Mahāwitthayālai Kasēsāt, 2549 [2006]
Oversize HB74.9.T5 T43 2007 +	Thawan Mātčharat, 1952-	Model kānčhat kānrīanrū tām prachayā phrarāčchathān sētthakit phōphīang : phūa phatthanā kānrīanrū phūrian læ kānphatthana phonngān thāng wichākān khōng khārāčchakān khru læ bukkhalākō	Krung Thēp : Sathāban Songsoēm læ Phatthanā Kān'an Kānkhīan hæng Prathēt Thai, 2550 [2007]
Oversize HD38.5 .C42 2007 +	Chaiyot Chaimankhong.	Konlayut lōčhittik læ sapphlāi chen : phūa khæng khan nai talāt lok = Logistics and supply chain strategy : competing in the global market / [Chaiyot Chaimankhong, Mayukhaphan Chaimankhong].	Nonthaburī : Sī. Wāi. Sitthōem Printing, 2550 [2007]
Oversize HD38.5 .K43 2006 +	Khamnāi 'Ahipratchayāsakun.	Lōčhittik phūa kānphalit læ kānčhatkān damnōen ngān = Manufacturing logistics and operation management / Khamnāi 'Ahipratchayāsakun.	Krung Thēp : Fōkat Mīdīa æen Phaplitcing, 2549 [2006]
Oversize HD58.9 .W57 2006 +	Wīradēt Čhūanām.	Scorecard cockpit : advance balanced scorecard : banyākāt mai phūa kāntatsinčhai thī thāthāi kwā / Wīradēt Čhūanām, Manlikā Čhūanām.	Krung Thēp : Samnakphim Bōrisat Fūngfā Phrinting Čhamkat, 2549 [2006]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Thai</b>			
Oversize HF1379 .S85 2007 +	Sumēt Loētchariyaphōn.	Kānrīanrū withī damncēn thurakit nam khao-song 'ōk khrop wongchōn / Sumēt Loētchariyaphōn.	Krung Thēp : Samnakphim hæng Čhulālongkōn Mahāwitthayālai, 2550 [2007]
Oversize HF5429 .S57 2003 +	Siriwan Sērīrat.	Kānbōrihān kānkā plīk = Retailing management / rīapriang dōi Siriwan Sērīrat ... [et al.].	[Krung Thēp] : Diamond in Business World, 2546 [2003]
Oversize HF5657.4 .B46 2007 +	Benčhamāt 'Aphisitphinyō.	Kānbanchī phūa kānchatkān : prapprung læ phoēmtōm tontun thān kitčhakam ( ABC ) = Managerial accounting / Benčhamāt 'Aphisitphinyō ... [et al.].	Krung Thēp : 'Aidīa Sōpwæ Thēknōlōyī, 2550 [2007]
Oversize HF5721 .L36 2006 +	Lamdūan Čhātčhaidī.	Kāntōtōp thāng thurakit nāo mai = Modern business correspondence / Lamdūan ( Thanapon ) Čhātčhaidī.	Krung Thēp : Bōrisat Thanaphon Witthayākān, 2549 [2006]
Oversize HF5721 .N37 2005 +	Narēt Surasit.	Kāntōtōp čhotmāi thurakit læ čhotmāi sūantūa = Business and personal correspondence / Narēt Surasit.	Krung Thēp : Bōrisat Phī. 'Ēt. Phrēt Čhamkat, 2548 [2005]
Oversize HM606.T5 C43 2006 +	Čhamnong 'Adiwatthanasit.	Sangkhomwitthayā / Čhamnong 'Adiwatthanasit ... [et al.].	Krung Thēp : Samnakphim Mahāwitthayālai Kasētsāt, 2549 [2006]
Oversize HV4013.T535 P538 2005 +		Phāwa sukkhaphāp khōng rængngān yāi thin Thai = Health status of Thai labor migrants / Klum Ngān Wikhrō læ Phayākōn Sathiti Čhōng Sangkhom.	Kōthōmō. [i.e. Krung Thēp Mahā Nakhōn] : Klum Ngān Wikhrō læ Phayākōn Sathiti Čhōng Sangkhom, Samnak Sathiti Phayākōn, 2548 [2005]
Oversize JQ1749.A795 K43 2007 +		Khadi yup phak chabap chī praden : khōhā Phak Thai Rak Thai, khōhā Phak Prachātipat.	Krung Thēp : Samnakphim Sūtphaisān, 2550 [2007]
Oversize KPT500 .C46 2007 +		Čhō lak-dīkā phæng thansamai / by The Justice Group.	Krung Thēp : The Justice Group, 2548 [2005]
Oversize KPT3062 .P47 2007 +		Phrarātchabanyat kānphangmūang : mai thung Phō. Sō. 2553 ( tām khūpōng ) .	Krung Thēp : Samnakphim Sūtphaisān, 2550 [2007]
Oversize KPT3127 .P47 2007 +		Phrarātchabanyat songsoēm læ raksā khunnaphāp singwætlōm hæng chāt : chabap mattrāthān, prapprung mai.	Krung Thēp : Samnakphim Sūtphaisān, 2550 [2007]
Oversize NK2110 .B37 2004 +		Bān kap thammachāt.	Krung Thēp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2547 [2004]
Oversize NK2110 .B38 2007 +		Bān mai.	Krung Thēp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2550 [2007]
Oversize NK2110 .D29 2006 +	Dāwisī Buntham.	City home / [Dāwisī Buntham].	Krung Thēp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2549 [2006]
Oversize NK2110 .H66 2005 +		Hōngrapkhæng nanglen.	Krung Thēp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2548 [2005]
Oversize NK2110 .O64 2003 +		One room living.	Krung Thēp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2546 [2003]
Oversize NK2110 .P47 2006 +	Phrækæo Kæokā.	Home details / [Phrækæo Kæokā].	Krung Thēp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2549 [2006]
Oversize NK2110 .S65 2006 +	Sōlot Sīsomnuk.	Bangkok home office : thamngān thī bān sāng bān hai pen thī thamngān / Sōlot Sīsomnuk.	Krung Thēp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2549 [2006]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Thai</b>			
Oversize NK2110 .T76 2006 +		Tropical Thai House.	Krung Thệp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2549 [2006]
Oversize NK2115.5.C6 B36 2004 +		Bān sikhāo.	Krung Thệp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2547 [2004]
Oversize NK2117.B4 H66 2004 +		Hōngnōn.	Krung Thệp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2547 [2004]
Oversize NK2117.C4 C45 2004 +		Children space.	Krung Thệp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2547 [2004]
Oversize PL4111 .W56 2006 +	Wilaisak Kingkham.	Tai phākē-phasā Thai / Wilaisak Kingkham.	Krung Thệp : Samnakphim Mahāwitthayālai Kasētsāt, 2549 [2006]
Oversize PL4158 .W56 2007 +	Wisēt Chānprakhōn.	Phāsā Thai phūa kānsūsān / Wisēt Chānprakhōn.	Krung Thệp : Tripphōen 'Ētdūkhēchan, 2550 [2007]
Oversize PL4177 .B86 2006 +	Bunlūa Čhaimanō.	Kāntæng kham praphan / Bunlūa Čhaimanō.	Krung Thệp : Samnakphim Mahāwitthayālai Kasētsāt, 2549 [2006]
Oversize QL366 .B67 2006 +	Bōphit Čhāruphan.	Phrōtōsūa nai læng namčhūt / Bōphit Čhāruphan, Nanthaphōn Čhāruphan.	Krung Thệp : Samnakphim Mahāwitthayālai Kasētsāt, 2549 [2006]
Oversize TA190 .S25 2006 +	Santi Chinānuwattiwong.	Witsawakam kōsāng læ kānčhatkān / Santi Chinānuwattiwong.	Krung Thệp : Samnakphim Mahāwitthayālai Kasētsāt, 2549 [2006]
Oversize TH4817 .S25 2006 +	Sakdā Prasānthai.	Home improvement / [Sakdā Prasānthai].	Krung Thệp : Samnakphim Bān læ Sūan, 2549 [2006]
Oversize TP368.2 .P45 2006 +	Phimphen Phōnchalōēmphong.	Phōtčhanānukrom witsawakam 'āhān ( 'Angkrit-Thai) . Thamniap phūphalit čhamnāi khriṅgčhak prærup læ bančhu 'āhān / Phimphen Phōnchalōēmphong, Čhirāphā Witthayāphirak.	Krung Thệp : Bōrisat Fūt Netwōek Sōlūchan, 2549 [2006]
Oversize TX545 .R36 2007 +	Rangsinī Sōtharawit.	Khēmī læ čhunlachīwawitthayā būangton khōng 'āhān / Rangsinī Sōtharawit.	Krung Thệp : Samnakphim Mahāwitthayālai Kasētsāt, 2550 [2007]
Oversize Z665 .R86 2007 +	Rungrudī 'Aphiwatthanasōn.	Hōngsamut læ sārānithēt phūa kānsuksā khonkwā / [Rungrudī 'Aphiwatthanasōn ... et al.].	Krung Thệp : Tripphōen 'Ētdūkhēchan, 2550 [2007]

Summary for 'Language' = Thai (141 detail records)

### Vietnamese

B72 .N48 2007	Nguyễn, Thế Nghĩa.	Những chuyên đề triết học : dành cho cao học và nghiên cứu sinh / Nguyễn Thế Nghĩa.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2007.
B162 .N443 2006	Nguyễn, Duy Hinh, 1930-	Triết học Phật giáo / Nguyễn Duy Hinh.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Văn hóa thông tin & Viện văn hóa, 2006.
BF128.V53 V85 2005	Vũ, Gia Hiền.	Tâm lý học và chuẩn hành vi / Vũ Gia Hiền.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Lao động, [2003]
BF858.V5 B55 2004		Bí ẩn trong cuộc đời / Vương Thị Nhị Mười, sưu tầm và biên soạn.	[Hải Phòng] : Nhà xuất bản Hải Phòng, [2004]
BJ1558.V5 H63 2007		Học ăn, học nói, học gói, học mở / Hoàng Liên, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2007]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Vietnamese</b>			
BJ1638.V5 K9 2006		Kỷ niệm không quên / nhiều tác giả.	Thành Phố Hồ Chí Minh : Báo Tuổi Trẻ : Nhà xuất bản Trẻ, 2006.
BJ1668.V5 K56 2001	Kim Anh.	Ứng xử đẹp : cách ứng xử của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội / Kim Anh.	[Đồng Nai] : Nhà xuất bản Đồng Nai, 2001.
BL1844.V5 C48 2007	Chương Thâu.	Góp phần tìm hiểu nho giáo, nho sĩ, trí thức Việt Nam trước 1945 / Chương Thâu.	Hà Nội : Nhà xuất bản Văn hóa-thông tin & Viện văn hóa, 2007.
BQ5618.V5 T43 2007	Thanh Lương, Thiên giả.	Tham thiên tự cảnh sách văn / Thanh Lương Thích Thiện Sang.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Tôn giáo, 2007.
D21 .T73 2005	Trần, Vĩnh Thanh.	1001 câu trắc nghiệm lịch sử 9 / Trần Vĩnh Thanh.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Giáo dục, 2005.
DS553.1 .Q93 1963		Quyết tử quân Sài-gòn - Chợ-lớn : trên trang sử miền Nam.	[Hà-nội] : Phổ thông, <1963->
DS556.4 .D52 2005		Di sản thế giới ở Việt Nam.	Hà Nội : Tổng cục du lịch Việt Nam, Trung tâm công nghệ thông tin du lịch, 2005.
DS556.42 .T797 2007		Tự điển di tích văn hóa Việt Nam : tổng hợp tư liệu thư tịch Hán Nôm / Ngô Đức Thọ, chủ biên.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, [2007]
DS556.45.B24 D36 2006		Dân tộc Ba Na ở Việt Nam / Bùi Minh Đạo, chủ biên, Trần Hồng Thu, Bùi Bích Lan.	Hà Nội : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2006.
DS556.45.C55 C43 2006	Châu, Thị Hải.	Người Hoa Việt Nam và Đông Nam Á : hình ảnh hôm qua và vị thế hôm nay / Châu Thị Hải.	Hà Nội : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2006.
DS556.45.K37 L88 2006	Lưu, Hùng.	Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ-tu / Lưu Hùng.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2006.
DS556.5.V83 M56 2006	Vũ, Ngọc Khánh.	Minh quân nước Việt / Vũ Ngọc Khánh.	Hà Nội : Nhà xuất bản Văn hóa-thông tin, [2006]
DS556.8 .T185 2006	Tạ, Thị Thúy Anh.	Kiến thức cơ bản lịch sử lớp 9 / Tạ Thị Thúy Anh.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, [2006]
DS556.83.P495 P43 2007		Phan Đình Phùng, cuộc đời và sự nghiệp / chỉ đạo và tổ chức nội dung, Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Nghệ An ; Hà Tĩnh : Sở Văn hóa - thông tin Hà Tĩnh, [2007]
DS556.83.T64 H63 2007	Hoàng, Huyênh.	Tống Duy Tân, cuộc đời và thơ văn / Hoàng Huyênh.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, 2007.
DS558.M44 P66 2007	Pomonti, Jean-Claude.	Một người Việt Nam trầm lặng / Jean-Claude Pomonti ; người dịch, Nguyễn Văn Sự.	[Thanh Hóa] : Nhà xuất bản Thanh Hóa, 2007.
DS558.9.A75 M67 2007		Một thời gửi lại : ký sự chiến tranh / Bùi Xuân Vinh, thể hiện.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thanh niên, [2007]
DS559.912 .T566 2007		Tiếng nói hội nhà văn / nhiều tác giả.	Hà Nội : Nhà xuất bản Phụ nữ, 2007-
DS559.92.C46 N58 2007	Nguyễn, Tuấn Triết.	Tây Nguyên những chặng đường lịch sử văn hóa / Nguyễn Tuấn Triết.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2007.
DS559.93.H36 L825 2007		Lược sử Hà Nội / Nguyễn Văn Tân, biên soạn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, 2007.
DS559.93.H8 D86 2007	Dương, Phước Thu.	Không gian văn hóa Huế : tập bút ký / Dương Phước Thu.	[Huế] : Nhà xuất bản Thuận Hóa, 2007.
DS560.72.H67 T8933 2006		Tư tưởng Hồ Chí Minh và vấn đề văn hóa trong phát triển / chủ biên, Đỗ Thị Minh Thúy.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Văn hóa-thông tin & Viện văn hóa, [2006]
DS560.72.P493 D66 2006		Đồng chí Phạm Văn Xô : người cán bộ lão thành nhân hậu, giản dị : hồi ký.	Hà Nội : Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2006.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Vietnamese</b>			
GR74 .C655 2003		Cóc thần và bảy con yêu quái : tiên nữ, yêu quái, pháp thuật / nhiều tác giả.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2003]
GR203.14 .V83 2003		Vua nắm / Trần Hữu Kham, biên dịch.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản trẻ, [2003]
GR204.5 .C86 2002		Cung mèo / Trần Hữu Kham, biên dịch.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2002.
GR313.5.K79 T875 2006		Truyện cổ Cơ ho / Thu Hương, biên soạn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Văn hóa-thông tin, 2006.
GR313.5.T38 T77 2006		Truyện cổ Nùng / Thu Hương, biên soạn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, 2006.
GR313.5.V35 T48 2006	Thu Hương.	Truyện cổ Vân Kiều / Thu Hương, biên soạn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, [2006]
GT2853.V5 P43 2005	Phạm, Minh Thảo.	Việt Nam trên bàn ăn / Phạm Minh Thảo.	Hà Nội : Nhà xuất bản Văn hóa - thông tin, 2005.
HC444 .C59 2007		Chuyện thời bao cấp / [nhiều tác giả].	Hà Nội : Nhà xuất bản Thông tấn, 2007
HF3800.5.Z5 T485 2006		Thương mại Việt Nam, 20 năm đổi mới / Lê Hữu Nghĩa, Lê Danh Vĩnh, đồng chủ biên.	Hà Nội : Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2006.
HN700.5.A8 N584 2007		Những nghiên cứu xã hội học trong thời kỳ chuyển đổi / nhiều tác giả.	Hà Nội : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2007.
JQ831 .N59 2006		Nhân dân giám sát các cơ quan dân cử ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới : sách chuyên khảo / Đặng Đình Tân, chủ biên.	Hà Nội : Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2006.
KPV920 .A345 2006	Vietnam.	Yến tập văn bản pháp luật mới nhất của Việt Nam : Việt-Anh = A selection of recent legislation in Vietnam : Vietnamese-English.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thế Giới, 2006-
KPV2714 2007	Vietnam.	Quy định mới về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính / Thắng Toàn, biên soạn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Lao động-xã hội, 2007.
LA1131.82 .N48 2007	Nguyễn, Văn Căn.	Quá trình cải cách giáo dục ở Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thời kỳ, 1978-2003 / Nguyễn Văn Căn.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2007.
ML385 .T76 2006		Trò chuyện với 100 ca sĩ nhạc sĩ Việt Nam.	[TP. Hồ Chí Minh] : Báo Sài Gòn giải phóng : Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn, 2006.
ML410.T82 V86 2007		Vườn xưa, hành trình âm nhạc Trịnh Công Sơn : bút ký / Nguyễn Hữu Thái Hòa và những người bạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2007]-
ML1751.V5 D56 2005	Đình, Bằng Phi, 1938-	Nhìn về sân khấu hát bội Nam Bộ / Đình Bằng Phi.	Tp. HCM [i.e. Thành phố Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Văn nghệ, 2005.
NK2072 .T88 2005		Tuyển tập các mẫu thiết kế & trang trí nội thất nhà đẹp Châu Á / [thực hiện, First News].	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, [2005]
NK3600 .N48 2007	Nguyễn, Hiếu Tín, 1980-	Thư pháp là gì? / Nguyễn Hiếu Tín.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản văn nghệ, 2007.
NK4156.V5 T783 2006	Trương, Minh Hằng.	Gốm sành nâu ở Phù Lãng / Trương Minh Hằng.	Hà Nội : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2006.
PE1130.V5 H88 2005	Huy Minh.	211 tình huống giao tiếp, 5000 câu đàm thoại tiếng Anh : Vận chuyển, Đối ngoại tệ, Khám bệnh, Mua sắm, Hỏi thăm đường, Đón khách tại phi trường, Đặt phòng, Thủ tục hải quan	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thanh niên, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Vietnamese</b>			
PE1130.V5 V52 2002	Viên Quân.	3500 câu hội thoại Anh-Việt mọi tình huống / Viên Quân, Hồng Hải.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2002.
PL539.5.V6 N49 2006	Nguyễn, Thị Liên.	Đàm thoại tiếng Nhật cấp tốc = Nihongo jitsuyō kaiwa / Nguyễn Thị Liên, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2006.
PL539.5.V6 N493 2005	Nguyễn, Thị Liên.	2000 câu giao tiếp Nhật Việt = Betonamugo-Nihongo no kontakuto no nisenku / Nguyễn Thị Liên, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2005.
PL539.5.V6 Q36 2007	Quang Tấn.	Tự học nhanh tiếng Nhật / Quang Tấn.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thanh Niên, 2007.
PL539.5.V6 T7343 2006	Trần, Việt Thanh.	Tài liệu luyện thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật : trình độ cấp 2 ( Trung cấp) / Trần Việt Thanh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2006.
PL539.5.V6 T7355 2006	Trần, Việt Thanh.	Tiếng Nhật cho mọi người = Mina no Nihongo / Trần Việt Thanh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn, 2006.
PL539.5.V6 T7365 2004	Trần, Việt Thanh.	Tiếng Nhật học từ trung cấp = Chūkyū kara manabu Nihongo / Trần Việt Thanh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2004.
PL539.5.V6 T7385 2005	Trần, Việt Thanh.	500 mẫu văn phạm tiếng Nhật trung cấp = Chūkyū Nihongo no bunpōkei no gohyaku / Trần Việt Thanh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
PL539.5.V6 V56 2006	Vinh Trân.	Tiếng Nhật dành cho người Việt = Betonamujin no tame no Nihongo / tổng hợp và biên soạn, Vinh Trân, Bảo Trân.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2006.
PL649 .T73 2003	Trần, Việt Thanh.	Cách viết thư trong tiếng Nhật : Nhật-Anh-Việt = Nihongo no tegami no tsukaikata / Trần Việt Thanh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2003]
PL913 .D36 2006	Đặng, Quang Hiến.	4500 câu giao tiếp Hàn Việt = Pe-Han kyosōp munjang sach'ōn obaek = Bê-Han kyō chōb mun chang sa ch'ōn ô bek / Đặng Quang Hiến, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2006.
PL913 .G53 2006		Giáo trình tự học tiếng Hàn cho mọi người : phần nâng cao / [Sang-Oak Lee ... [et al.] ; biên soạn, Lê Hoàng Phương và nhóm cộng tác.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, [2006].
PL913 .V54 2004	Việt Anh.	Giáo trình tự học tiếng Hàn quốc : tiếng Hàn dành cho người Việt / Việt Anh, Thanh Ly.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2004].
PL914 .D36 2005	Đặng, Quang Hiến.	1200 câu giao tiếp Hàn Việt = Pet'ū-Han kyojōp munjang ch'ōnibaek / Đặng Quang Hiến, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2005.
PL914.D36 A25 2006	Đặng, Quang Hiến.	100 tình huống giao tiếp Hàn Việt = Pe-Han kyojōp sanghwang paek / Đặng Quang Hiến, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2006-
PL914.D65 C36 2006	Đỗ, Thái Hòa.	Cẩm nang giao tiếp tiếng Hàn / Thái Hòa, Mỹ Trinh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
PL914 .H63 2006	Hoàn Vũ.	Các mẫu câu giao tiếp trong tiếng Hàn = Paeunūn Han'gugō hoehwa / ban biên soạn, Hoàn Vũ, Nguyễn Ngọc Nhã Thư, Hoàng Phương Linh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
PL914 .P43 2005	Phạm, Minh Khang.	3000 câu giao tiếp Hàn-Việt mọi tình huống = Modūn sanghwang e ssūnūn 3000-kyōjōp munjang / Phạm Minh Khang, Đỗ Mỹ Trang ; Pard Joong Won, hiệu đính.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Thống kê, 2005.
PL1121.V53 N48 2005	Nguyễn, Thiện Chí.	1650 câu giao tiếp Việt Hoa - Hoa Việt : 76 tình huống trong giao tiếp = Yue Zhong, Zhong Yue hui hua / Nguyễn Thiện Chí, Nguyễn Thị Thu Hằng.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Vietnamese</b>			
PL1121.V6 D35 2005		Đàm thoại tiếng Hoa cấp tốc / Hoàng Thị Hồng An, biên dịch ; Trương Văn Giới, hiệu đính.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2005.
PL1121.V6 D92 2005	Dương, Hồng.	800 câu giao tiếp Hoa Việt = Hua Yue jiao jie ba bai ju / Dương Hồng.	[Thành phố Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2005.
PL1121.V6 N465 2006	Nguyễn, Kim Dân.	Mẫu câu cơ bản tiếng Hoa trong giao tiếp hằng ngày = Ri chang sheng huo zhong de Han yu ji ben ju zi / Nguyễn Kim Dân, Ngọc Lân, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2006.
PL1121.V6 Q115 2006	Quan Bình.	Đàm thoại tiếng Hoa cấp tốc = Han yu hui hua su cheng / Quan Bình, Ngọc Lân, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006.
PL1121.V6 V562 2005	Việt Hưng.	Đàm thoại tiếng Hoa : Việt, Quan Thoại, Quảng Đông, Triều Châu / Việt Hưng, Vương Thanh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh,
PL1121.V6 X84 2004		Xue shuo pu tong hua = Học nói tiếng phổ thông Trung Quốc / Vương Bình, biên dịch.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2004-
PL1129.V54 G515 2004		Giáo trình Hán ngữ / Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, biên dịch.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, [2004]-
PL1129.V54 G54 2003		Giáo trình tiếng Hoa trung cấp / biên dịch, Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2003-
PL1129.V54 P48 2006		Phương pháp sử dụng và luyện tập hư tự cổ & tân Hán văn / Chu Dục Tân, Giới Nghiêm, dịch.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Văn nghệ, [2006]
PL1129.V54 T73 2002	Trần, Phương Thảo.	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại : học ngữ pháp qua các bài tập trắc nghiệm / Trần Phương Thảo, Trương Văn Giới.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2002.
PL4378 .P4565 2006	Phong Lê.	Người trong văn : chân dung và tiểu luận / Phong Lê.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn, [2006]
PL4378.05 .P42 2007	Phạm, Hồng Việt.	Lịch sử dân tộc trên các trang văn học : từ nguồn gốc đến 1858 / Phạm Hồng Việt.	[Huế] : Nhà xuất bản Thuận hóa, [2007]
PL4378.2 .C353 2007		Ca dao Việt Nam, những lời bình / Vũ Thị Thu Hương, tuyển chọn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, 2007.
PL4378.2 .T462 2007		Thơ quê hương và những lời bình / Phương Ngân, tuyển chọn.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, 2007.
PL4378.5 .D1335 1983		Đặc san Nova / Hội sinh viên Việt Nam Alexandria Campus.	[Alexandria, Va] : Hội sinh viên Việt Nam Alexandria Campus, 1983.
PL4378.8 .T6763 2007		Truyện ngắn 50 tác giả trẻ / Vũ Thụy An, tuyển chọn.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thanh niên, 2007.
PL4378.8 .T873425 2007		Truyện ngắn hay và đoạt giải Văn nghệ quân đội mới / [nhiều tác giả] ; Nguyễn Bảo, Khuất Quang Thụy, Sương Nguyệt Minh, tuyển chọn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Phụ nữ, 2007.
PL4378.8 .T87375 2007		Truyện ngắn nữ Văn nghệ Quân đội Mới / nhiều tác giả.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Phụ nữ, 2007.
PL4378.9.H325 D53 2004	Hàn, Thế Dũng.	Điệp viên 02 : tiểu thuyết / Hàn Thế Dũng.	[Hanoi] : Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2004.
PL4378.9.H6453 T555 2007	Hồng Anh.	Tình yêu rất lạ : tiểu thuyết tình cảm / Hồng Anh.	[Đà Nẵng] : Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2007.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Vietnamese</b>			
PL4378.9.H674 L83 2006	Hoàng, Tú Anh	Lừa khát : thơ / Hoàng Tú Anh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Văn Nghệ, 2006.
PL4378.9.H776 H38 2007	Hồng Vân.	Hãy yêu nhau đi : tiểu thuyết tình cảm / Hồng Vân.	[Đà Nẵng] : Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2007.
PL4378.9.H84335 L36 2007	Huệ Thu.	Lắng sâu kỷ niệm : tiểu thuyết tình cảm / Huệ Thu.	[Đà Nẵng] : Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2007.
PL4378.9.N4416 M86 2007	Ngô, Sĩ Tuấn, 1918-	Muôn dặm đường xa : tuyển tập thơ / Ngô Sĩ Tuấn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Lao động, 2007.
PL4378.9.N4453 K48 2007	Ngọc Thanh, 1960-	Khúc giao mùa : thơ tình / Ngọc Thanh.	Hà Nội : Nhà xuất bản Thanh niên, 2007.
PL4378.9.N549739 T44 2006	Nguyễn, Cảnh Bình, 1963-	Theo anh về xứ Nghệ : thơ / Nguyễn Cảnh Bình.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Văn Nghệ, 2006.
PL4378.9.N56093 C43 2006	Nguyễn, Như Phong, 1955-	Chạy án : tiểu thuyết / Nguyễn Như Phong.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Lao động-xã hội, 2006-
PL4378.9.N5659 M65 2004	Nguyễn, Thu Phương.	Môi Hồng Đào / Nguyễn Thu Phương.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Kim Đồng, [2004]
PL4378.9.N5672 D86 2002	Nguyễn, Trí Công.	Dũng Sài Gòn / Nguyễn Trí Công.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2002.
PL4378.9.N5674 T76 2007	Nguyễn, Trọng Văn.	Trong bóng đêm những con gián bò ra : tập thơ / Nguyễn Trọng Văn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Hội nhà văn, 2007.
PL4378.9.N6514 E65 2006	Nhật Hạnh.	Em mãi mong chờ : mãi là của nhau : tiểu thuyết tình cảm / Nhật Hạnh.	[Đà Nẵng] : Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2006.
PL4378.9.N676 T43 2007	Như Đàm.	Thần thiêng--- : tiểu phẩm và tản văn / Như Đàm.	Hà Nội : Nhà xuất bản Lao động, 2007.
PL4378.9.P52834 C48 2003	Phan, Hồn Nhiên.	Chuyện nắng / Phan Hồn Nhiên, Hải Miên.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2003]
PL4378.9.P548 T45 2006	Phan, Thiện Giới, 1927-	Thi tập tuổi 80 / Hương Thiện Phan Thiện Giới.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006.
PL4378.9.P58 B47 2007	Phương Hà.	Biển ngàn đời sóng vỗ : tiểu thuyết tình cảm / Phương Hà.	[Đà Nẵng] : Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2007.
PL4378.9.S38 N48 2001	Sầu Đông.	Những hồng nhan của một thời : tập truyện và tùy bút / Sầu Đông.	Mississauga, ON : The Author, 2001.
PL4378.9.S57 S55 2007		Sơn Vương nhà văn, người tù thế kỉ / Nguyễn Q. Thắng, sưu tầm, nghiên cứu.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Văn học, 2007.
PL4378.9.T6413 A6 2003	Trần, Diễm.	Trần Diễm tiểu thuyết / Trần Diễm.	Hà Nội : Công an nhân dân, 2003.
PL4378.9.T835 G35 2007	Trịnh, Thanh Sơn.	Gã nhà quê : tập truyện ngắn / Trịnh Thanh Sơn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Thanh niên, 2007.
PL4378.9.T836 B66 2007	Trọng Bảo.	Bông hồng không gai : tập truyện ngắn / Trọng Bảo.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Công an nhân dân, [2007].
PL4378.9.V59 N38 2007	Võ, Nghiêm Phương.	Nếu như còn yêu : tiểu thuyết tình cảm / Võ Nghiêm Phương.	[Đà Nẵng] : Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2007.
PL4378.9.V9883 V85 2007	Vũ, Thị Huệ.	Nổi ám ảnh : tiểu thuyết / Vũ Thị Huệ.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.
PL4379 .T95 2007		Từ điển từ ngữ Nam Bộ / Huỳnh Công Tín, biên soạn.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Khoa học xã hội, [2007]
PL4389.D14 A4 2007	Tchya, 1908-1968.	Ai hát giữa rừng khuya / Tchya Đái Đức Tuấn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Văn học : Công ty Văn hóa & truyền thống Võ Thị, 2007.
PL4389.N6088 Z785 2007		Nguyễn Trãi, tác phẩm và lời bình / Tuấn Thành, Vũ Nguyễn, tuyển chọn.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Văn Học, [2007]
PL4389.N627 A6 2007	Thạch Lam, 1909-1943.	Truyện ngắn Thạch Lam : tác phẩm và lời bình / Tôn Thảo Miên, tuyển chọn.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Văn học, [2007]

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Vietnamese</b>			
PL4389.O59 D86 2006	Ông, Văn Tùng.	Đường Thái Tông Lý Thế Dân / Ông Văn Tùng, thuật.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thanh niên, 2006-
PL4389.P533 O65 2003	Phan, Thị Vàng Anh.	Ở nhà / Phan Thị Vàng Anh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Trẻ, [2003]
PL4389.24.N62 B5 2006	Nguyễn, Nhật Ánh.	Bồ câu không đưa thư : truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh.	[Thành phố Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2006.
PL4389.3.T42 Q35 2007	Nguyễn, Thị Như Trang.	Qua những nẻo đường chiến tranh : tuyển tập truyện và ký / Nguyễn Thị Như Trang.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thanh niên, [2007]
PL4390.12.U89 C16 2007	Bút Ngữ.	Cần Vương, Đông Du : tiểu thuyết lịch sử / Bút Ngữ.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Văn học, 2007.
PL4390.18.A175 V66 2007	Hà, Phạm Phú.	Vòng đời / Hà Phạm Phú.	Hà Nội : Nhà xuất bản Lao động, 2007.
PL4390.22.E126 H7 2007	Lê, Minh, 1928-	Hòn đảo một mình ; Hồi : tiểu thuyết tuyển chọn / Lê Minh.	Hà Nội : Nhà xuất bản Hội nhà văn, 2007.
PL4390.22.Y115 A6 2006	Lý, Biên Cương.	Tiểu thuyết Lý Biên Cương : Cửa sáng ; Một kiếp đàn ông ; Phù du.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2006.
PL4390.26.H155 G63 2007	Phạm, Đông Hưng.	Góc cạnh : tập truyện / Phạm Đông Hưng.	Hà Nội : Nhà xuất bản Lao động, 2007.
PN6120.9.V6 B35 2007		Bà lão "gàn" / Thương Huyền, tuyển chọn và biên dịch.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thông tấn, [2007]
PN6222.V5 T77213 2007	Trịnh, Phú Hải.	Nhập khẩu cả trời : tiểu phẩm trào phúng châm biếm / [Trịnh Phú Hải - Ba Ly].	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Lao động xã hội, [2007]
PN6222.V5 T8766 2006		Truyện vui dân gian / Nhân Văn, sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thanh Niên, 2006.
PN6222.V5 T8767 2006		Truyện vui dân gian / Nhân Văn, sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thanh Niên, 2006.
PN6377.V53 D65 2005		Đố vui tuổi học trò / Trần Cường, tuyển soạn.	Hà Nội : Nhà xuất bản Văn hoá thông tin, 2005.
PQ3979.2.S47 C66 2007	Shan, Sa, 1972-	Mưu phản : tiểu thuyết / Sơn Táp ; người dịch, Vũ Hoàng Đại.	Hà Nội : Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2007.
PZ90.V5 C59 2001		Chuyện Vua Huệ Vương / biên tập, Ly Ly ; vẽ tranh, Nguyễn Văn Mùa.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
PZ90.V6 A55 2001		Anh thợ giày bình tranh / biên tập, Ly Ly ; minh họa, Nguyễn Chương Tố.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
PZ90.V6 C25 2001		Cái đình / biên tập, Ly Ly ; vẽ tranh, Nguyễn Văn Mùa, Nguyễn Tùng Khương.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
PZ90.V6 C255 2001		Can vua / biên tập, Ly Ly ; vẽ tranh, Nguyễn Mùa, Thiên khôi.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
PZ90.V6 C43 2002		Cha con Tể tướng / [biên tập, Ly Ly ; minh họa, Nguyễn Văn Mùa].	[Thành phố Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2002].
PZ90.V6 C465 2002		Chiếc riu kim cương / [biên tập, Thanh Hương] ; tranh, Nhật Tân, Quang Lân.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2002]
PZ90.V6 C57 2001		Chuyện A Lưu / vẽ tranh, Nguyễn Mùa, Thiên Khôi.	[Thành Phố Hồ Chí Minh] : Trẻ, [2001]
PZ90.V6 C585 2001		Chuyện thầy trò Dương Chu / biên tập, Ly Ly ; vẽ tranh, Nguyễn Văn Mùa.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Vietnamese</b>			
PZ90.V6 C588 2001		Chuyện Từ Chương / biên tập, Ly Ly ; vẽ tranh, Nguyễn Văn Mùa.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
PZ90.V6 D88 2004		Duy Tân / [biên tập, Thanh Hương ; tranh, Nguyễn Chương Tố].	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2004].
PZ90.V6 E65 2005		Em bé thông minh / [biên tập, Thanh Hương] ; tranh, Nhật Tân, Quang Lân.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2005]
PZ90.V6 .L47 2003		Lê Văn Hữu / [biên tập, Thanh Hương ; tranh, Nguyễn Chương Tố].	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2003].
PZ90.V6 M46 2004		Mèo con không vâng lời / [biên tập, Thanh Hương ; minh họa, Huy Khôi].	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2004]
PZ90.V6 .N5353 2003		Nguyễn Bình Khiêm / [biên tập, Thanh Hương ; tranh, Nguyễn Chương Tố].	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2003].
PZ90.V6 N536 2003	Nguyễn, Cửu Thọ.	Chú bé biệt động / Cửu Thọ.	[Thành phố Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2003.
PZ90.V6 .N5465 2003		Nguyễn Trãi / [biên tập, Thanh Hương ; tranh, Nguyễn Văn Mùa].	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2003].
PZ90.V6 P524 2004		Phạm Hồng Thái / [biên tập, Thanh Hương ; tranh, Nguyễn Chương Tố].	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2004].
PZ90.V6 R83 2002		Rửa tay / biên tập, Ly Ly ; minh họa, Nguyễn Chương Tố.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2002.
PZ90.V6 T355 2004		Thần gỗ / [biên tập, Thanh Hương] ; tranh, Trí Đức ... [et al.].	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2004]
PZ90.V6 T533 1999	Thu Trân.	Đường bong bóng bay / Thu Trân.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [1999]
PZ90.V6 T5335 2001		Thua trận vì phần thịt dê / [biên tập, Ly Ly ; minh họa, Nguyễn Văn Mùa].	[Thành phố Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2001].
PZ90.V6 T534 2001	Thương Ánh.	Thằng Pêlê Bà Chiểu / Thương Ánh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
PZ90.V6 T68 2004		Trần Thái Tông / [biên tập, Thanh Hương ; tranh, Nguyễn Văn Mùa].	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2004].
PZ90.V6 T77 2001		Trang Chu vay thóc / biên tập, Ly Ly ; tranh, Nguyễn Chương Tố.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
PZ90.V6 T78 2004		Trâu đoàn kết giết hổ / [biên tập, Thanh Hương] ; tranh, Nhật Tân, Quang Lân.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2004]
PZ90.V6 T84 2004		Trí khôn của ta đây / [biên tập, Thanh Hương] ; tranh, Nhật Tân, Quang Lân.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2004]
PZ90.V6 T845 2001		Tri kỷ / biên tập, Ly Ly ; vẽ tranh, Nguyễn Mùa, Thiên Khôi.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
PZ90.V6 .T85 2004		Trịnh Kiểm / [biên tập, Thanh Hương ; tranh, Nguyễn Chương Tố].	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2004].
PZ90.V6 V985 2001		Vua Ai Công với Khổng Tử / biên tập, Ly Ly ; vẽ tranh, Nguyễn Văn Mùa, Tiểu Vi Thanh.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
PZ90.V6 X83 2002	Xuân Mai.	Giếng làng / Xuân Mai.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2002]
PZ90.V6 Y46 2001		Yến Tử với Vua Tề / biên tập, Ly Ly ; vẽ tranh, Nguyễn Văn Mùa.	Thành phố Hồ Chí Minh : Nhà xuất bản Trẻ, 2001.
RG101 .N48 2005	Nguyễn, Thị Tuyết Mai.	Bệnh phụ nữ : phòng và trị những chứng bệnh thường gặp / Nguyễn Thị Tuyết Mai.	Biên Hòa, Đồng Nai : Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai, 2005.

Call No.	Author	Title	Imprint
<b>Vietnamese</b>			
Oversize DS560.72.H67 H61655 2007 +		Hồ Chí Minh, khí phách của lịch sử.	Hà Nội : Nhà xuất bản Lao động, 2007.
Oversize E156 .T86 1956 +		Tương lai là tùy thuộc ở tự-do.	[Vietnam : Sở Thông Tin Hoa Kỳ, 1956?]
Oversize HN700.5.A8 A48 1956 +	An, Mỹ Lệ.	Đâu là con đường tranh đấu? / phỏng theo tác phẩm của Thanh-Phong ; bài vỡ của An-mỹ-Lệ ; ảnh của Đạt-Lý.	Saigon : Phái-đoàn viện-trợ Mỹ, 1956.
Oversize KPV494.32005 A52 2007 +	Vietnam.	Bộ luật dân sự năm 2005 và văn bản hướng dẫn thi hành.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2007.
Oversize NK2077 .P46 2005 +		Phong cách trang trí Đông Nam Á / Phạm Cao Hoàn, biên soạn.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Mỹ Thuật , [2005]
Oversize PL539.5.V6 H63 2006 +	Hoàng, Phương.	Tự học tiếng Nhật cho người lớn tuổi : làm chủ tiếng Nhật / Hoàng Phương.	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thanh Niên, 2006.
Oversize PL913 .P53 2006 +	Phạm, Minh Khang.	Tiếng Hàn dành cho trẻ em = Aji rül wihan Han`gugõ / Phạm Minh Khang.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, [2006]
Oversize PL1129.V54 M35 2006 +	Mã, Thành Tài.	Tiếng Hoa dành cho trẻ em = Er tong Han yu / Mã Thành Tài.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2007.
Oversize PL1129.V54 W35 2006 +		Wai guo ren Han zi su cheng = 500 ký tự tiếng Hoa cơ bản = 500 basic Chinese characters : a cracking course : Chinese-English-Vietnamese / tổng hợp, Lý Chính ; hiệu đính, Trần Minh Khánh.	[TP. Hồ Chí Minh] : Nhà xuất bản Trẻ, 2006.
Oversize PL4376 .L68 1994 +	Loh, P. Y.	Từ điển tiếng Anh cho học sinh 2001 từ / P. Y. Loh ; [biên tập, Lê Ngọc Trọng ; biên dịch, Nguyễn Ngọc Anh Thư, Nguyễn Hữu Tiến].	[Hà Nội] : Nhà xuất bản Thế giới, 1994.

Summary for 'Language' = Vietnamese (171 detail records)

# Titles cataloged during indicated month: 836